



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THUY
Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh
Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh
ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,
Q.Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

Ảnh bìa 1: Khánh Dương

Trong số này

* Thư tòa soạn **03**

1. TIÊU ĐIỂM

- PGNT Khmer ngày càng khởi sắc - Phạm Huy Thơ **04**

2. KINH TẠNG

- Trình tự tu tập trong Trung bộ kinh - TK. Siêu Minh **06**

3. LUẬT TẠNG

- Tìm hiểu luật tạng Pāli - TK. Giác Nguyên **09**

4. THIỀN HỌC

- Thiền giữa đời thường - TK. Khánh Hỷ **11**

5. LUẬN TẠNG

- Pháp Hỷ trong đời sống - Đại đức Thiện Minh **13**

6. SUY NGẪM

- Có nhiều định nghĩa về Giàu - Hoa Lan **16**

7. ĐỐI THOẠI

- Giao lưu với Nghệ sĩ Thanh Kim Huệ - Chơn Minh **17**

8. VĂN HÓA

- Nguồn gốc hình tượng Đức Phật - Ths. Hoài Lan **19**

- Những con Mèo kỳ lạ nhất thế giới - Song Kiều **20**

9. VĂN THƠ

- Phật pháp nhiệm mầu - HT. Thích Giác Toàn **22**

- Vì sao tôi hạnh phúc - Sư cô Hiền Giới **22**

- Vô Duyên - Song Minh **23**

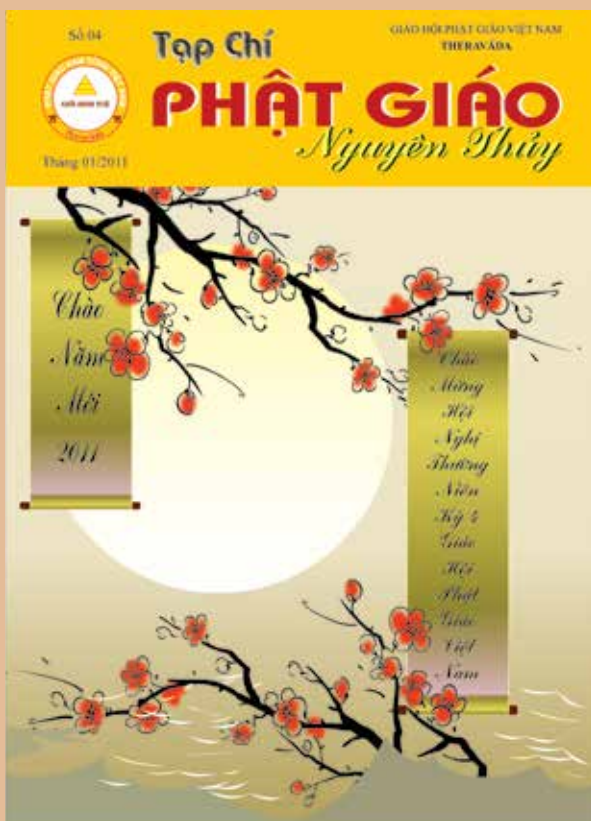
- Thầy tôi - Tâm Uyên **24**

- Ôn mẹ - Bé Thụy Minh **25**

- Bâng Khuâng - Ái Minh **25**

- Vì sao nên ăn ngọ - Thúy Cao **26**

- Pháp làm cho thương mến - TS. Thái Văn Chải **27**



10. PHẬT PHÁP CĂN BẢN

- Quy y Tăng bảo - Phạm Kim Khánh **30**

11. ÂM THỰC - DƯỢC THẢO

- PP chẩn đoán ngũ sắc bệnh - Lê Khắc Chiếu **33**

12. VĂN HỌC PĀLI

- Đại hội kết tập kinh điển lần thứ 3 - TK. Suvijjo **34**

- Giới thiệu Kinh Pháp cú - Long Hồ **36**

13. TRI ÂN

- Tô mì của người lạ - Ngọc Bích **38**

14. THEO DÒNG

- PGNT Khmer thành viên GHPGVN - HT. Đào Như **39**

- Hòa thượng Ấn Lâm - **42**

- Khóa thiền tại chùa Nguyên Thủy - TT. Pháp Chất **43**

- Hội nghị chuyên đề PGNT Khmer lần 4 - PV **44**

- Lễ hội trùng tụng Thánh điển - Tuệ Siêu **45**

- Lễ bổ nhiệm Ban quản trị - Hồng Trung **47**

- Phật giáo Lào dâng tượng Phật - ĐĐ Tuệ Quyền **48**

- Lễ khai giảng khóa thiền - Thiện Phúc **49**

- Khám bệnh tử thiện và phát quả - Quán Như **50**

- Chùm ảnh Phật sự tháng 12 - Lê Hà **51**



Thư Tòa Soạn

Kính thưa Quý độc giả,

Thăm thoát năm 2010 đã trôi qua, một năm có nhiều sự kiện quan trọng của Đất nước và Giáo hội: Lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội đã tổ chức thành công; sinh hoạt chính trị của toàn Đảng toàn dân góp ý cho văn kiện đại hội Đảng các cấp tiến đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Mặt trận Thống nhất và 50 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Đối với Phật giáo, các hàng giáo phẩm lãnh đạo các cấp Giáo hội và tăng ni Phật tử trên cả nước đã tinh tấn tham gia và hoàn thành nhiều Phật sự quan trọng. Điển hình một số hoạt động nổi bật như: Tổ chức thành công hội thảo Hoằng pháp tại Kiên Giang; tổ chức hội thảo Nghi lễ Toàn quốc tại Khánh Hòa; tổ chức Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần IV tại Kiên Giang; Học viện Phật giáo Nam tông Khmer kết thúc khóa I và chuẩn bị chiêu sinh khóa II; phái đoàn cấp cao của Giáo hội thăm hữu nghị Phật giáo Myanmar và Ấn Độ; đại diện Giáo hội dự lễ khánh thành trường Đại học Mahchulalongkorn tại Thái Lan; đoàn Phật giáo Nam tông Kinh dự lễ đọc tụng Tam tạng tại Ấn Độ; thiền viện Phước Sơn và thiền viện Nguyên Thủy tổ chức các khóa thiền Vipassanā; đại diện Hoàng gia Thái Lan dâng y Kathina tại chùa Tam Bảo - Đà Nẵng; Phật giáo Lào hiến cúng tượng Phật vào chùa Quảng Nghiêm tỉnh Đồng Nai; lễ Bổ nhiệm Ban quản Trị Thích Ca Phật Đài TP. Vũng Tàu... Ngoài ra, nhiều Phật sự lợi đạo ích đời khác được tăng ni Phật tử cả nước nhiệt tình tham gia và đạt được nhiều thành quả rất đáng hoan hỉ.

Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 01 năm 2011, Trung ương Giáo hội tổ chức Hội nghị Thường niên để tổng kết hoạt động Phật sự năm 2010 và thảo luận chương trình hoạt động Phật sự năm 2011. Tăng ni Phật tử cả nước rất hoan hỉ và tin tưởng năm mới Giáo hội sẽ thành tựu nhiều công đức hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc vì an lạc và hạnh phúc của nhân dân.

Ngày 28-5-2010, Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy (PGNT) đã được Bộ TT-TT cấp phép hoạt động và đến nay đã phát hành được 3 số, được đông đảo Tăng Ni Phật tử xa gần bày tỏ sự hoan hỉ và nhiệt tình ủng hộ. Bên cạnh đó, Ban biên tập đã nhận được những góp ý xây dựng rất quý báu của độc giả dành cho Tạp chí về hình thức và nội dung.

Ban biên tập Tạp chí PGNT xin chân thành bày tỏ lòng tri ân đến các cấp lãnh đạo Đảng - Chính quyền và Chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội, các mạnh thường quân, quý độc giả, Phật tử gần xa trong thời gian qua đã nhiệt tình quan tâm giúp đỡ, ủng hộ, phát tâm đăng ký cúng dường Tạp chí (pháp thí), ủng hộ đến các chùa vùng sâu vùng xa, đăng ký mua báo dài hạn. Ban biên tập rất mong tiếp tục nhận được sự nhiệt tình ủng hộ của quý độc giả để cho Tạp chí PGNT tồn tại và phục vụ ngày càng tốt hơn.

Nhân dịp mừng xuân 2011, xin kính chúc Chư tôn Giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội, quý vị lãnh đạo Đảng, Chính quyền và Ban ngành đoàn thể các cấp, Chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và độc giả gần xa một năm mới Vạn sự an lành, Kiết tùng như ý.



Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Tổng Biên tập
HT. Thích Thiện Tâm

PHẬT GIÁO NAM TÔNG

Ngày càng khởi sắc (*)



Ông Phạm Huy Thơ - Phó ban Tôn giáo Chính phủ phát biểu tại hội nghị

Theo như lời hẹn từ 02 năm trước tại Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ III năm 2008 tổ chức ở tỉnh Bạc Liêu giữa Ban Tôn giáo chính phủ và GHPGVN, hôm nay trong không khí dư âm cả nước mừng thắng lợi của Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, tại Kiên Giang - mảnh đất cực nam của Tổ quốc tươi đẹp, giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và mến khách, chúng tôi lại hân hạnh được gặp các vị cao tăng, thạc đức trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Nam tông Khmer nói riêng cùng với đông đảo quý vị đại biểu đại diện cho các ban, ngành, đoàn thể từ Trung ương (TW) tới địa phương trong khuôn khổ Hội nghị chuyên đề về Phật giáo Nam tông Khmer, thay mặt Ban Tôn giáo Chính phủ và đoàn công tác của cơ quan đang có mặt tại Hội nghị, tôi xin chân thành gửi tới quý vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đại diện Ban Trị sự và Phật giáo Nam tông Khmer các địa phương cùng Quý vị đại biểu, khách quý lời chào trân trọng và lời chúc tốt đẹp nhất.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam với phương châm hoạt động "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội", trong thời gian gần 30 năm qua là nơi quy tụ, tập hợp tăng ni, Phật tử trong và ngoài nước cùng nhau đoàn kết, thực hiện lời Đức Phật dạy "Phật pháp bất ly thế gian pháp", dùng sức mạnh của tình thương, sự sẻ chia, với tinh thần Từ - Bi - Hỷ - Xả, vô ngã vị tha, tăng đoàn của Đức Như Lai cùng với đông bào Phật tử Phật giáo Việt Nam đã và đang cống hiến công sức, tài vật cho Giáo hội, cho đất nước để xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt

Nam vững mạnh, đất nước trường tồn, cùng với đông bào cả nước phấn đấu vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sư sãi, tín đồ hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer cùng với tăng ni, Phật tử cả nước đã có nhiều hoạt động nhằm ổn định sinh hoạt Phật giáo, phát huy truyền thống yêu nước gần bó và đồng hành cùng dân tộc, đồng thời tiếp tục khẳng định vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong xây dựng cuộc sống mới, tham gia tích cực vào các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo, các vị sư Khmer đã gương mẫu vận động nhân dân, bà con tín đồ Phật tử giữ gìn nếp sống văn hóa trong khu dân cư, nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ nhau trong cộng đồng góp phần xóa đói, giảm nghèo, bài trừ các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu, đấu tranh loại bỏ những điều không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, tích cực xây dựng quê hương giàu đẹp, cùng nhau thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Những việc làm nêu trên đã thể hiện rõ tinh thần nhập thế của Phật giáo, tăng cường sự gắn kết giữa đạo với đời, khẳng định vị thế của một Tôn giáo có truyền thống yêu nước, có bề dày lịch sử và luôn gần bó đồng hành cùng dân tộc.

Đánh giá cao đóng góp của Phật giáo đối với đất nước, trong gần 30 năm qua, Đảng và Nhà

nước ta luôn quan tâm tới hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Sự quan tâm không chỉ thể hiện ở chính sách tự do tín ngưỡng Tôn giáo, chính sách đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết Tôn giáo mà còn thể hiện ở nhiều việc làm cụ thể giúp cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam có điều kiện hoạt động phụng sự đạo pháp và dân tộc như: Cho phép và hỗ trợ việc thành lập các Học viện Phật giáo để đào tạo tăng tài; xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự; xuất bản kinh sách phục vụ cho việc tu học và nghiên cứu, tìm hiểu; hỗ trợ, tạo điều kiện để Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia các hoạt động Phật giáo quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người và Phật giáo Việt Nam, đồng thời cho tổ chức các hoạt động hoằng dương Phật pháp v.v... tạo nên sự gắn bó giữa đạo với đời theo đường hướng hành đạo mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã khẳng định.

Đối với Phật giáo Nam tông Khmer nói riêng, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong 6 năm qua (2004 - 2010) với sự chủ động của Thường trực Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Văn phòng II), sự phấn khởi đón nhận của sư sãi, tín đồ Phật giáo Nam tông, sự giúp đỡ có trách nhiệm cao của các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương, một số nội dung hỗ trợ cho Phật giáo Nam tông Khmer đã được thực hiện tốt như: Việc khắc dấu chùa Khmer theo mẫu thống nhất và đã đưa vào sử dụng; hàng vạn quyển kinh sách bằng chữ Khmer đã được in và phát hành tới các chùa cho sư sãi tín đồ tu học; việc hỗ trợ lớp học trong chùa, bổ nhiệm sư trụ trì, cấp chứng điệp v.v... đã được triển khai tương đối hiệu quả. Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đã khai giảng và sắp tốt nghiệp khóa I vào năm 2011; việc xây dựng Học viện cũng đã được khởi động v.v... Những việc làm đó đã góp phần tạo nên sự tin tưởng vào chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Dân tộc và Tôn giáo, tỏ rõ sự đoàn kết trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hội nghị này là cơ hội để chúng ta cùng nhìn nhận, đánh giá và khẳng định những đóng góp tích cực của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, của các Ban Trị sự và toàn thể tăng ni, Phật tử vào thành quả chung của đất nước

và của Phật giáo Việt Nam, đồng thời là dịp bày tỏ sự tri ân đối với sự quan tâm mà Đảng, Nhà nước luôn dành cho chức sắc và tín đồ đạo Phật, trong đó có các chư tăng và tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer. Chúng ta cũng ghi nhận và đánh giá cao sự giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành và chính quyền địa phương các cấp, đặc biệt là sự hưởng ứng tích cực của sư sãi, tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer trong thời gian qua đã ủng hộ và thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Nhà nước trong vùng Tây Nam bộ nói chung và trong đồng bào Khmer nói riêng. Việc làm ấy đã giúp cho đồng bào có tín ngưỡng Phật giáo thực hiện phương châm hành đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", góp phần tạo nên sự ổn định và phát triển của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, sự ổn định và phát triển của đất nước.

Chúng ta cũng nhận thức rằng trong thời gian qua chúng ta đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, song vẫn chưa đáp ứng hết được yêu cầu của công việc và lòng mong mỏi của mỗi chúng ta, một số nội dung cần phải rút kinh nghiệm, có sự điều chỉnh để việc triển khai có hiệu quả hơn, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của quý sư sãi và tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer. Tại Hội nghị này (theo chương trình đã gửi trước), trên cơ sở báo cáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chúng tôi mong muốn quý vị đại biểu từ trách nhiệm và tình cảm của mình tiếp tục có những ý kiến đóng góp thiết thực để cùng nhau tìm ra những giải pháp tốt nhất, thực hiện có hiệu quả những nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

Trong lời phát biểu đầu tiên này, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Ban Tôn giáo và các cơ quan hữu quan của tỉnh Kiên Giang đã giúp đỡ cho công tác tổ chức Hội nghị lần này. Cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, nhân viên Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang và cơ quan thông tin, báo chí đã nhiệt tình giúp đỡ và đưa tin về Hội nghị này. ●

() Trích tham luận của ông Phạm Huy Thơ đọc tại Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer (tựa đề do BBT đặt).*



TRÌNH TỰ TU TẬP Trong Trung Bộ Kinh

Tỳ khưu Siêu Minh (dịch) *

Trong Trung Bộ kinh, Đức Phật thường xuyên diễn giải việc tu tập chánh đạo như là một cách tu luyện dần dần (anupubbasikkha). Việc tu luyện này bộc lộ ra trong nhiều giai đoạn từ bước đầu tiên đến mục tiêu cuối cùng. Công việc tu luyện dần dần này là cách phân chia theo Bát chánh đạo, đó là giới định tuệ. Lúc nào cũng vậy trong tu tập dần dần được chứng tỏ bằng cách bắt đầu với việc xuất gia, gia nhập cuộc sống vô gia cư và chấp nhận cách sống của chư vị tỳ khưu, tức là tu sĩ Phật giáo. Điều này lập tức chúng ta chú ý đến tính chất quan trọng của cuộc sống “Sa môn” trong hệ thống giáo pháp của Đức Phật. Trên nguyên tắc chung, việc tu luyện bát chánh đạo cũng được mở ra cho những người dân thường thuộc bất kỳ kiểu sống nào, sa môn hay đời thường. Đức Phật đã quả quyết rằng, nhiều trong số những người đời thường, tức là thiện nam, tín nữ, đệ tử đã chu tất được giáo Pháp và đã chứng ba thánh quả đầu tiên trong bốn giai đoạn siêu thế (MN 68.18-23; MN 73.9-22). Lập trường của Phật giáo Nguyên thủy là người tại gia cũng có thể

chứng bốn giai đoạn tu luyện đó, và chứng A la hán, nhưng sau khi chứng đắc như vậy họ phải lập tức tìm kiếm hướng để xuất gia hay niết bàn. Tuy nhiên thực tế là cuộc sống gia đình chắc chắn hạn chế nhất tâm để được giải thoát vì bận rộn, cố chấp và dính mắc. Chính vì thế, Đức Phật cũng đã xuất gia như là bước đầu tiên thực hiện việc tìm kiếm này, và sau khi giác ngộ ngài đã thiết lập Tăng Đoàn. Đó là tăng chúng chư vị tỳ khưu và tỳ khưu ni. Đó là trú xứ dành cho những ai muốn tự cố gắng hiển đời mình một cách trọn vẹn trong việc tu luyện giáo pháp của Ngài mà không bị cuộc sống gia đình ảnh hưởng.

Mô hình chính của việc tu luyện dần dần này được tìm thấy trong Trung Bộ kinh, được vạch ra trong bài kinh số (MN 27 và MN 51) các phiên bản khác cũng được tìm thấy trong MN 38, MN 39 MN 53 MN 107 và MN 125 và một số thay đổi quan trọng cũng sẽ được giải thích ngắn gọn. Chương trình này mở ra với diện mạo của một vị Như Lai sống trên trần gian này và việc chú giải giáo Pháp của Ngài. Lắng nghe giới luật, chấp nhận đức tin và đi

theo Đức Phật tham gia cuộc sống vô gia cư. Sau khi đã xuất gia vị đó thực hiện và nắm giữ những qui định giới luật nhằm tu luyện phẩm hạnh và cuộc sống. Ba bước tiếp theo hài lòng, kiểm chế các căn, chánh niệm và tỉnh giác được nhằm tới để tiếp thu qui trình thanh tịnh và từ đó bắc cầu để tiến tới thời kỳ từ giới đức đến chánh định. Các phiên bản khác (MN 39, MN 53, MN 107, MN125) lại chèn thêm tỉnh giác vào qui trình này.

Việc tu luyện trực tiếp chánh định xuất hiện nổi bật trong giai đoạn từ bỏ năm chướng ngại, năm chướng ngại đó là: tham dục, ác tâm, thụ miên - hôn trầm, trạo cử, và nghi ngờ thực chất là những trở ngại để phát triển nhập thiền và việc loại bỏ chúng, chính vì vậy là thiết yếu cho tâm được chứng an tịnh và hiệp nhất. Trong qui trình tập luyện dần dần việc vượt thắng những trở ngại chỉ được thực hiện một cách có hệ thống. Những phần khác trong Kinh cũng đưa ra nhiều lời dạy thực tiễn. Nhấn mạnh trong các tập chú giải. Giai đoạn trở ngại được vinh dự trong MN 39 bằng hàng loạt những ẩn dụ giải thích sự đối chọi giữa một bên là cảnh tù túng do những trở ngại áp đặt và niềm hoan hỷ do được giải thoát đạt được khi ta loại bỏ những trở ngại này.

Giai đoạn tiếp theo trong qui trình diễn tiến đó, mô tả thành tích của việc nhập tầng thiền (jhanas) là những trạng thái nhập thiền định, trong đó tâm trở nên hoàn toàn chăm chú vào đối tượng. Đức Phật đã liệt kê bốn loại nhập tầng thiền. Mỗi đợt được hoàn thiện hơn và nâng cao hơn vị trí trước đó. Các tầng thiền, nhập thiền luôn được mô tả bằng những công thức giống nhau, trong nhiều Kinh (MN 39 MN 77, MN 119) được gia tăng thêm bằng những ẩn dụ rất đẹp. Cho dù theo truyền thống Nguyên thủy tầng thiền, nhập tầng thiền không được coi như là điều cần thiết để chứng giác ngộ. Đức Phật lúc nào cũng vậy, Ngài đều gộp chúng vào trong việc tu luyện dần dần vì sự cố gắng hiển chúng đem lại cho việc hoàn thiện nội tại trong chánh đạo, và vì nhập định chúng đem lại cho ta căn bản vững chắc cho việc tu luyện thiền quán. Trong khi người phạm tục các tầng thiền chính là “những vết chân của vị Như Lai” (MN 27.19-22) và là những điềm báo



trước niềm vui níp bàn bất tận đang hiện diện ở cuối công việc tu luyện.

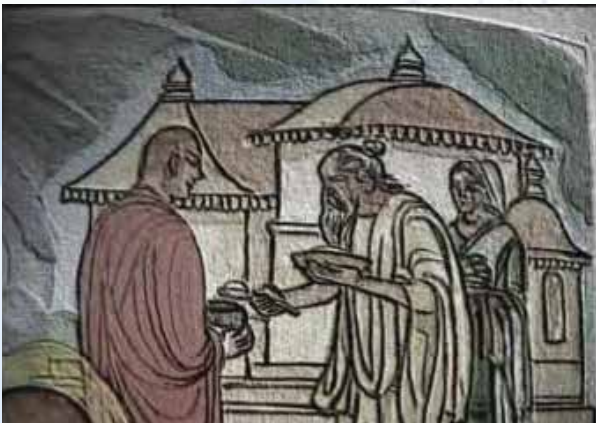
Kể từ đệ tứ thiền, ba đường lối khác của việc tu luyện trở thành hiện thực. Trong một số đoạn bên ngoài việc tu luyện dần dần này (Trung Bộ kinh MN 8, MN 25, MN 26, MN 66 v.v...) Đức Phật đã đề cập đến bốn hiện trạng nhập thiền tiếp tục việc nối kết tâm đã an trú nhờ nhập thiền. Các hiện trạng này, được mô tả như là “giải thoát chính là an tịnh và vô sắc giới” giống như nhập thiền vô sắc, chính vì thế cũng mang đặc tính thế gian. Phân biệt nhập tầng thiền siêu thế, chính là đối tượng vô tham. Nền tảng không vô biên xứ, nền tảng thức vô biên xứ và nền tảng phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong Kinh Pāli những hiện trạng này được gọi là những tầng thiền vô sắc vậy (arupajjhana).

Đường hướng thứ hai trong việc tu luyện, các Kinh đề cập giai đoạn chứng đắc thắng trí siêu thế. Đức Phật thường xuyên nói về sáu loại thắng trí trực tiếp (chaābhiñña) thắng trí cuối cùng, đó là thắng trí triệt phá các lậu hoặc,

thăng trí siêu thế và như vậy thực sự thuộc về giai đoạn thứ ba của việc tu luyện. Nhưng toàn bộ năm tuệ giác khác chỉ thuộc thăng trí phàm tục mà thôi, là mức độ sức mạnh phi thường của thiền định được chứng trong thiền tứ; là những sức mạnh thần thông, thiên nhĩ và thiên nhãn (MN 6. MN 73, MN 108).

Các tầng thiền và các loại thăng trí trực tiếp thế gian, tự bản chất chúng không tạo ra sự giác ngộ và giải thoát, không vĩ đại và an tịnh giống như những chứng đắc, chúng chỉ có thể loại trừ được lậu hoặc tạm thời, duy trì trong vòng luân hồi tái sinh nhưng không thể loại bỏ chúng hoàn toàn được. Để nhổ sạch rễ các lậu hoặc ở một mức độ căn bản, và từ đó tạo ra kết quả chính là giác ngộ và giải thoát, quy trình hành thiền phải tái định hướng theo đường hướng thứ ba. Một đường hướng không nhất thiết cần đến hai đường hướng trước đó. Đây chính là cách nhập thiền "tuệ giác" kết quả đem lại là những tuệ giác cao vào bản chất hiện hữu và đạt mục đích cuối cùng, đó chính là chứng đắc thánh quả A la hán

Đường hướng tu luyện này chính là đường hướng Đức Phật đã theo đuổi trong quá trình tu luyện dần dần. Cho dù Ngài đã thực hiện trước đường hướng này bằng cách mô tả hai loại thăng trí, đó là nhớ lại tiền kiếp và thiên nhãn. Cả ba giai đoạn, được thể hiện chủ yếu nơi chính sự giác ngộ của Ngài (MN 4.27-30) được gọi chung là tam minh đích thực (tevijja). Tuy nhiên hai đường hướng trước trong đó không nhất thiết đưa đến thánh quả A la hán. Chúng ta có thể suy ra rằng, Đức Phật đã gộp cả hai vào đây vì chúng hé mở



Nàng Sujata dâng sữa đến Đức Phật

ra chân trời đích thực và sâu rộng về đau khổ trong vòng luân hồi tái sinh và từ đó sửa soạn tâm để thấu triệt tứ diệu đế. Trong đó đau khổ được chuẩn đoán và khắc phục.

Qui trình nhập thiền, nhờ đó các vị hành thiền lại không được chỉ ra một cách rõ ràng, như vậy trong qui trình tu luyện dần dần. Nó chỉ hàm chứa bằng cách đưa ra kết quả, ở đây ta gọi là thăng trí triệt phá các lậu hoặc (Asavas). Các nhà chú giải nhận được từ này từ gốc su có nghĩa là "chảy" các học giả phân biệt được dòng chảy này có được ám chỉ bằng tiếp đầu ngữ a là bên trong hay bên ngoài; chính vì thế một số đã dịch là "dòng chảy vào" hay "những ảnh hưởng" các từ khác là "chảy ra" "các chất gây ô nhiễm" hay "chảy ra". Đoạn gốc trong Kinh cho thấy ý nghĩa thực sự của từ này có nghĩa độc lập với nguyên từ, khi từ này mô tả asavas có nghĩa là các hiện trạng "Làm vẫn đục, đem lại đổi mới, đem lại rắc rối, dị thực trong đau khổ. Dẫn đến tái sinh trong tương lai, lão, và tử." (MN 36, 47 v.v... Như vậy các dịch giả khác, theo nghĩa đen, đã dịch là ảnh hưởng "đôi truy, gây ô nhiễm, "hoặc là các vết nhơ bẩn" ý nghĩa sau cùng này là cách lựa chọn của Nanamoli ba vết bẩn nói tới ở trên trong kinh hầu như cùng đồng nghĩa với nhau là ái dục, hữu ái và vô minh xuất hiện ở đầu của công thức về thuyết nhân quả. Khi tâm của vị xuất gia đã được giải thoát khỏi vết nhơ bằng cách hoàn tất thánh đạo dẫn đến thánh quả A la hán, vị đó thấy cảnh giải thoát và rống lên tiếng rống sư tử: "Sanh đã bị triệt phá, đời sống giới đức đã thành tựu. Điều gì phải làm đã được thực hiện, chẳng còn phải tái sinh nơi cõi hữu sanh nào nữa. ●

(*) Biên dịch phỏng theo tài liệu của Ngài Bodhi.

TÌM HIỂU LUẬT TẠNG PĀLI

Nguyên tác: Dr. S. C. Banerji
Dịch Việt: Tỳ khưu Giác Nguyên

Tạng này bao gồm những học giới và luật nghi nhằm áp dụng vào đời sống thường nhật của cả Tăng, Ni trong hội chúng xuất gia. Từ trước tới giờ, tất cả Phật giáo đều đồng một mực tin tưởng rằng, toàn bộ Luật tạng là do chính Đức Phật ban hành, và chỉ có riêng Ngài mới đủ tư cách ban hành Luật Tạng mà thôi. Xưa nay, theo truyền thống Phật giáo thì Luật tạng luôn được đặt lên vị trí quan trọng nhất trong ba tạng. Quan điểm này được kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác ở các dòng Phật giáo Thượng tọa bộ được xem là nguyên thủy nhất, đặc biệt là Phật giáo Miến Điện và Phật giáo Tích Lan. Từ vị trí quan trọng như vậy, trong Phật giáo Thượng tọa bộ đã theo thời gian mà hình thành một hệ thống Luật học hết sức phong phú, đồng thời cũng kéo theo đó những quan điểm Luật học tương khắc. Mọi sự có lẽ được bắt đầu rõ ràng nhất từ thế kỷ thứ XI để rồi mãi đến hôm nay, Phật giáo Miến Điện vẫn tiếp tục giữ lại một số quan điểm Luật học riêng tư của mình.

Luật tạng, về đại thể gồm có 4 phần: Pātimokkha, Suttavibhanga, Khandhaka, Parivāra.

A. Pātimokkha

Nội dung cốt lõi của Luật tạng chính là Pātimokkha ta có thể xem đây là một án lệ hành đạo căn bản cho tất cả chúng Tăng. Bởi chư Tăng Phật giáo đều phải luôn có một đời sống thu thúc bản thân y cứ trên các học giới Pātimokkha. Nội

dung của Pātimokkha bao gồm những điều răn cấm mà sa môn Phật giáo phải luôn chấp trì để ngăn tránh các lỗi lầm tương ứng nhằm sửa mình cho ngày một tốt hơn. Nội dung Pātimokkha bao gồm tám phần giới án. Trong bài kinh số 108 của Trung Bộ, Tôn giả Ānanda đã từng xác nhận ý nghĩa quan trọng của giới bốn trong cuộc sống tu tập của chư Tăng mà Đức Phật đã nhiều lần nhấn mạnh.

Nguyên lai, có thể Pātimokkha chỉ gồm có 152 học giới để rồi sau đó dần dần, con số này được tăng lên 227 đó là nói theo một vài kết quả nghiên cứu. Còn trong Luật tạng nguyên thủy của Thượng tọa bộ thì ta vẫn cứ bắt gặp đủ số lượng 227 học giới này. Mặc dù, theo nhiều dị bản thì dù có kể đủ số 227 học giới nhưng nó vẫn không được xem là một con số nguyên thủy, trong khi đó, theo Suttavibhanga thì con số 227 hoàn toàn có thể được tin cậy về mặt sử học.

Pātimokkha có một ý nghĩa rất lớn trong đời sống tu học của chư Tăng Phật giáo. Theo Luật tạng quy định thì mỗi nửa tháng Tăng chúng phải họp mặt nhau lại một lần để tự sám hối các lỗi lầm và nghe tụng Pātimokkha, vẫn thường được trùng tụng thành tiếng cho mọi người nghe trước khi cùng ngồi lại để nghe đọc Pātimokkha, mọi cá nhân Tăng chúng phải tự làm trong sạch mình bằng cách sám hối.

Đối với giáo hội Ni chúng, nội dung và ý nghĩa

quan trọng của Pātimokkha cũng tương tự như bên Tăng chúng

B. Suttavibhanga

Nội dung cũng vẫn là các vấn đề Phật học. Có điều là ở đây các Ngài nêu ra những trường hợp duyên sự mà từ đó Đức Phật đã cấm chế các học giới. Đồng thời, Suttavibhanga còn giải thích cặn kẽ từng khía cạnh ngữ nghĩa của từng vừng Luật học, phân tích tỉ mỉ mỗi vấn đề có liên quan đến cách giải quyết Luật nghi. Chính nội dung này của Suttavibhanga đã cung cấp cho chúng ta những chi tiết hết sức quan trọng về sử học nói chung và Giáo hội Phật giáo đương thời nói riêng. Điều đó ta có thể bắt gặp ở phần giải về các đại giới như Bất cộng trụ chẳng hạn.

Nói một cách ngắn gọn thì nội dung của Suttavibhanga chính là các học giới Pātimokkha được trình bày và giải thích theo văn phong Kinh tạng.

Suttavibhangagồm hai phần: Mahāvibhanga và Bhikkhunīvibhanga. Mahāvibhanga giải thích về 8 trường hợp phạm tội của Luật tạng và Bhikkhunīvibhanga là phần giải thích về các học giới Pātimokkha của tỳ kheu Ni.

Trong Luật tạng có nêu ra 8 cách phạt tội và trong đó có hai hình thức được xem là phổ cập và cụ thể nhất. Đó là cách phạt tội trong hai trường hợp Bất cộng trụ (đương sự bị trục xuất ra khỏi Tăng chúng) và trường hợp Ứng đối trị (đương sự phạm tội phải nhận lỗi trước Tăng chúng để sám hối).

Sau đây là 8 trường hợp tội án của Luật tạng:

1. Tội bất cộng trụ (Pārajika)

Gồm có bốn trường hợp: Vị tỳ kheu cố ý giao cấu với người hoặc thú, vị tỳ kheu cố ý chiếm hữu một thứ vật chất nào đó khi chưa được chủ nhân cho phép, vị tỳ kheu cố ý giết người hoặc tác động cho người khác giết người hay tự tử, vị tỳ kheu cố ý tự nhận một quả vị thiền định hay Thánh trí nào đó mà mình thật ra chưa hề chứng đạt.

2. Tội tăng tàn (Sanghasesa)

Bao gồm các điều cấm như cố ý làm xuất tinh, cố ý xúc chạm thân thể phụ nữ, cố ý trêu chọc

hoặc tán tỉnh phụ nữ bằng những lời lẽ khêu gợi tục tằn, cố ý lên tiếng đòi hỏi xác thịt, làm mai mối cho nam nữ, xây dựng liêu cốc cho mình mà không trình báo với Tăng chúng hoặc làm sai quy cách, vô cớ vu cáo tội Bất cộng trụ đối với một tỳ kheu khác, cố ý vi phạm một cố nhỏ để tổ gian vị khác phạm tội Bất cộng trụ, cố ý chia rẽ nội bộ Tăng chúng, xu hướng theo vị tỳ kheu chia rẽ tăng chúng, bướng bỉnh chống lại Tăng lịnh chính đáng của tập thể, có hành vi bất xứng trong quan hệ với hàng tục gia.

3. Tội Bất định (Aniyata)

Cùng năm hay ngồi ở một chỗ kín khuất với người phụ nữ, nơi có thể dễ dàng vi phạm học giới Bất cộng trụ hoặc Tăng tàn (phép giải tội khá rắc rối).

4. Tội Ứng xả đôi trị (Nissaggiya pacittaya)

Tội được thành lập khi cất giữ không đúng phép hoặc quá hạn các vật dụng bị cấm như thức ăn hay vàng bạc v.v... Tội chỉ được tịnh giải sau khi vị tỳ kheu vứt bỏ chúng đi, rồi sám hối trước Tăng chúng.

5. Tội Ứng đối trị (Pacittiya)

Gồm đến 92 điều sau khi phạm vào một trong các tội này, vị tỳ kheu chỉ việc trình lại với một vị khác rồi sám hối.

6. Ứng phát lộ (Patidesaniyadhamma)

Gồm bốn vấn đề sai trái trong khi thọ dụng thực phẩm. Đương sự vi phạm phải đến trước Tăng chúng để trình tội.

7. Ứng học Pháp (Sekhiyadhamma)

Gồm các tiểu giới thuộc về nghi hạnh trong sinh hoạt thường nhật của một Tăng sĩ. nội dung xoay quanh các cách ăn mặc, đi đứng, hành xử v.v...

8. Tịnh tránh Pháp (Adhikaranasamatha)

Gồm các sai phạm nằm ngoài các học giới đã kể và ở đây Đức Phật đã đưa ra bảy phương thức giải quyết để Tăng chúng theo đó mà dàn xếp sự vụ (còn tiếp). ●



THIÊN GIỮA ĐỜI THƯỜNG

Tỳ khưu Khánh Hỷ (dịch)

BẢY NGÀY ĐẮC ĐẠO

Ajahn Chah kể lại rằng Đức Phật đã khích lệ Chư Tăng khi Ngài xác quyết: Người nào kiên trì nỗ lực hành thiền thì sẽ đắc quả trong vòng bảy ngày. Nếu bảy ngày không thành thì sẽ thành đạo trong vòng bảy tháng hay bảy năm. Một nhà sư trẻ tuổi Hoa Kỳ nghe vậy hỏi Ajahn Chah điều đó có thật hay không? Ajahn Chah nói chắc rằng nếu thầy chánh niệm liên tục trong vòng bảy ngày thì thầy sẽ thành đạo.

Đầy hứng khởi, nhà sư trẻ bắt đầu bảy ngày của mình. Nhưng chỉ trong vòng mười phút sau thầy đã bị phóng tâm. Thầy bắt đầu bảy ngày trở lại, lần này cũng bị thất niệm vì suy nghĩ có lẽ là suy nghĩ đến chuyện phải làm gì sau khi đắc đạo! Thầy lại tiếp tục bắt đầu bảy ngày khác, nhưng chánh niệm lại bị gián đoạn nữa. Một tuần sau, mặc dầu chưa đắc đạo nhưng thầy đã có một mức tỉnh giác rất cao, đã chế ngự được phần nào con tâm quái dị có khuynh hướng hay phóng đi nơi khác này. Đây là một phương cách hiệu nghiệm để khởi đầu việc huấn luyện tâm mình trên đường đi đến giác ngộ.

Đừng kỳ vọng phải đạt được kết quả thật nhanh. Thiền sinh với đức tin rắn chắc phải có ý chí cương quyết và lòng kiên trì cũng như người bán hàng phải luôn miệng rao hàng mà không làm biếng!

HỌC TỤNG KINH

Chủ yếu trong việc dạy thiền của Ajahn Chah là giúp thiền sinh làm mọi việc cần thiết để duy trì sự quân bình tâm trí hầu thoát khỏi mọi dính

mắc. Một nhà tâm lý Tây phương, xuất gia làm một nhà sư đã học được bài học này. Nhà tâm lý học xin ở lại Wat Pah Pong trong ba tháng hạ với kỳ vọng được ở gần thiền sư đủ khả năng giúp mình hành thiền chóng đạt kết quả tốt. Vài hôm sau, Ajahn Chah thông báo cho tất cả chư tăng biết chương trình tụng kinh hàng ngày là từ 3 giờ 30 đến 4 giờ 40 sáng, và từ 5 giờ đến 6 giờ chiều.

Đó là chương trình mà thiền sinh phải tuân theo trong kỳ hạ này. Nhà sư mới xuất gia giơ tay xin phát biểu ý kiến và bắt đầu tranh luận lớn tiếng rằng ông ta đến đây là để hành thiền, không phải để phí thì giờ tụng kinh. Việc tranh cãi với thầy giữa đám đồng theo lối phương Tây này làm nhiều người bất bình. Ajahn Chah từ tốn giải thích rằng hành thiền thực sự là phải giác tỉnh trong mọi hoạt động của mình chứ không phải chỉ tìm sự bình an tĩnh lặng trong lúc ngồi tại sơn am. Ajahn Chah đi đến chỗ khẳng định nhà tâm lý học phải chấp hành đúng đắn tụng kinh hàng ngày nếu ông ta muốn ở lại Wat Pah Pong. Nhà tâm lý học đã ở lại và học tụng kinh tốt đẹp, đàng hoàng.

QUÊN THỜI GIAN ĐI

Chúng ta thường có khuynh hướng làm cho việc hành thiền trở nên phức tạp và rối rắm. Chẳng hạn, khi ngồi xuống chúng ta quyết định, "Lần này phải thành công mới được." Đó không phải là một việc làm đúng, vì không gì có thể hoàn tất một cách vội vã được. Đó là một dính mắc mà các thiền sinh mới thường gặp phải.



Thế là anh ta cứ nhấp nhòm theo dõi xem hương đã tàn đến đâu. "Tàn hết chưa? Mới có nửa cây à?" anh ta nghĩ. Có khi anh ta nguyện sẽ ngồi cho đến lúc hương tàn đầu có chết cũng không đứng dậy. Anh ta sẽ cảm thấy tội lỗi khủng khiếp nếu phải đứng dậy khi chưa hết giờ qui định. Ngồi thiền như thế là đã bị tham ái kiểm soát.

Nhiều đêm khi bắt đầu ngồi thiền ta thường có ý nghĩ, "Tối nay nhất định không ngủ trước một giờ sáng." Nhưng chẳng bao lâu sau đó, tâm ta bắt đầu phản kháng và dấy loạn cho đến lúc ta có cảm tưởng rằng mình sắp chết đến nơi.

Khi ngồi thiền đúng thì không cần đo lường hay thúc buộc gì cả. Không có đích, không có mục tiêu để đạt tới. Dầu bạn có ngồi từ sáng sớm đến bảy tám giờ tối cũng không thành vấn đề. Chỉ cần ngồi mà không để ý đến thời gian. Đừng tự thúc bách mình. Đừng ép buộc mình. Đừng đòi hỏi tâm mình phải làm một điều gì có tính cách chắc chắn cố định. Hãy để tâm thoải mái, để hơi thở tự nhiên bình thường, đừng ép hơi thở dài hay ngắn theo ý mình. Hãy để cơ thể thoải mái. Thực tập đều đặn liên tục, lòng tham muốn sẽ hỏi bạn, "Ta sẽ ngồi đến lúc nào đây? Ta sẽ ngồi bao lâu đây?" Hãy quát lại nó (thâm thôi nhé!), "Này, đừng quấy rầy ta!" Phải đàn áp nó vì nó là phiền não đến quấy rầy bạn. Hãy nói, "Ta muốn ngồi bao lâu thì ta ngồi; ta muốn ngưng ngồi thiền lúc nào thì ngưng, chẳng có gì sai lầm cả. Nếu ta ngồi suốt đêm, ta làm hại ai đây? Tại sao người đến quấy rầy ta?" Hãy cắt đứt lòng ham muốn và tiếp tục ngồi theo ý bạn. Để tâm thoải mái tự nhiên bạn sẽ đạt được bình an tĩnh lặng, thoát khỏi sức mạnh của tham ái.

Có một thiền sinh ngồi trước lư hương và nguyện đến lúc cây nhang tàn mới đứng dậy.

Đừng để ý đến thời gian. Hãy duy trì việc thực hành của mình một cách đều đặn và để sự tiến bộ đến dần với bạn. Khởi cần phải nguyện hay thề gì cả, chỉ cần kiên trì cố gắng thực hành, để tâm tự nó bình an tĩnh lặng lấy. Cuối cùng bạn sẽ thấy mình có thể ngồi lâu một cách thoải mái, đó là bạn đã hành thiền đúng cách. Lúc đau nơi chân, bạn chỉ cần quan sát và biết sự đau. Bạn sẽ thấy cơn đau tự biến mất mà không cần đến sự giúp đỡ của bạn.

Thực hành theo cách này, bạn sẽ thấy có nhiều thay đổi diễn ra trong bạn. Khi đi ngủ bạn có thể tập cho tâm mình tĩnh lặng trước khi ngủ. Nếu trước đây bạn hay ngáy, hay mơ, nghiêng rống, trăn trở, v. v... một khi tâm được huấn luyện thì mọi tật xấu trên sẽ biến mất. Dầu cho bạn có ngủ say đến đâu, lúc thức giấc bạn cũng tỉnh táo, không bần thần uể oải. Cơ thể an nghỉ nhưng tâm tỉnh thức suốt ngày đêm, đó là Phật, là kẻ hiểu biết, tỉnh thức, hạnh phúc sáng suốt. Phật không bao giờ ngủ, nhưng không bao giờ cảm thấy uể oải, thần thờ. Nếu bạn làm cho tâm trí mình kiên định như thế trong lúc hành thiền, bạn có thể thức liền hai ba hôm, và khi buồn ngủ vẫn có thể nhập định trong vòng năm mười phút là tỉnh dậy một cách tươi tắn như người đã ngủ trọn đêm. Ở mức độ này, bạn không cần phải nghĩ đến thân thể mình nữa, mặc dầu với tình thương và sự hiểu biết, bạn vẫn còn thấy thân thể này cần thiết. ●



PHÁP HỖ TRONG ĐỜI SỐNG

Đại đức Thiện Minh

Pháp hỷ (Pīti), được dịch là sự nhiệt tình, điều say mê hay là trạng thái mê ly, là một sở hữu trong sáu “sở hữu biệt cảnh” xuất hiện với các tâm thuộc bốn chủng loại nhưng hỷ lại không xuất hiện với tất cả các tâm. Hỷ có thể là hỷ thiện, hỷ bất thiện, hỷ dị thực hay quả báo (Vipaka) hay hỷ tố (Kiriya).

Khi liên tưởng đến hỷ, chúng ta cho hỷ luôn là điều thiện. Chúng ta khen ngợi những người có hỷ. Tuy nhiên, khi nghiên cứu Vi Diệu Pháp chúng ta thấy hỷ không luôn là điều thiện, hỷ cũng xuất hiện kèm với tâm bất thiện. Trong cuộc sống chúng ta có quá nhiều tâm bất thiện và như vậy, khi hỷ xuất hiện thường thì có nhiều điều bất thiện hơn là điều thiện xảy ra. Chúng ta đã chẳng thấy nhiều điều thiện mà thực chất chỉ là điều bất thiện đó sao? Qua nghiên cứu Vi Diệu Pháp chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về điều thiện điều bất thiện và những điều kiện khác nhau khiến chúng có thể xuất hiện.

Tác phẩm Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga chương IV. Trang. 94) cho chúng ta một định nghĩa về hỷ (pīti) như sau:

... Nó (hỷ) khiến ta sảng khoái (Pinayati, nghĩa là làm vui lòng, làm thỏa mãn), như vậy đó chính là hạnh phúc (Tīti) [1] hoan hỷ lại có trạng thái làm sảng khoái (Sampiyyana) [2]. Hỷ có phạm sự là làm sảng khoái thân xác và tâm hồn; hay phạm sự của nó là thâm nhập khắp (xúc động vì trạng thái mê mê). Hỷ được thành tựu như là sự phấn chấn v.v...

Tác phẩm chú giải Bộ Pháp Tụ (Atthasālinī I, phần IV chương. 1, 115) cũng đưa ra cùng một định nghĩa tương tự về hỷ như thế [3].

Hỷ rất ảnh hưởng đến đối tượng tâm nhận ra hay xác định được và cũng được cảm nhận do những sở hữu đi kèm. Hỷ khiến cho ta hài lòng, sung sướng với đối tượng và khiến tâm và các sở hữu đi kèm “sảng khoái”.

Trong trường hợp tâm dục giới (Kamavacara citta) (các tâm thuộc lãnh vực giác quan), hỷ xuất hiện với các tâm thường có câu hành hỷ (Somanassa) tức là cảm giác sảng khoái đi kèm. Như vậy, bất kỳ lúc nào có câu hành hỷ hay cảm giác sảng khoái thì cũng có hỷ xuất hiện. Hỷ không phải là thọ hỷ, trạng thái và phạm sự của hỷ hoàn toàn khác nhau. Hỷ không phải là thọ, tức thọ uẩn nhưng là hành uẩn, ngũ uẩn bao gồm tất cả các sở hữu ngoại trừ thọ và tưởng.

Thọ hỷ cảm nhận được hương vị của đối tượng, nhiệm vụ của nó chính là khai thác bằng cách này hay cách khác khía cạnh khêu gợi của đối tượng (Visuddhimagga XVI, 128). Hỷ không thể cảm thọ, trạng thái của nó như chúng ta đã thấy, chính là sự mãn nguyện và phạm sự của nó chính là làm cho ta sảng khoái tinh tảo hoặc tăng thêm hăng hái cả thân lẫn tâm, hoặc tràn ngập cả hai với trạng thái mê mê sảng khoái. Hỷ còn ảnh hưởng đến đối tượng và vui mừng sảng khoái trước đối tượng đó. Hỷ lại có phạm sự hết sức đặc

biệt đang khi hỗ trợ cho tâm; phận sự của nó lại rất khác so với cảm giác.

Tác phẩm Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga IV, 100) giải thích: trong giai đoạn hành thiền bước một sự khác biệt giữa thọ lạc, tức là lạc (Sukha) được dịch sang tiếng Anh là “bliss” có nghĩa là niềm hạnh phúc vô tận, còn hỷ được dịch sang tiếng Anh chỉ đơn giản là “Happiness” mà thôi (nghĩa là hạnh phúc) cả hai đều là các chi thiền. Chúng ta đọc thấy như sau:

Bất cứ khi nào cả hai điều trên tương ứng với nhau thì hỷ chính là sự hài lòng khi chiếm đoạt được đối tượng hằng mong ước và lạc chính là cảm nhận thực sự đối tượng khi ta đã chiếm được. Khi đã có hỷ dứt khoát cũng sẽ có lạc; nhưng khi đã có lạc thì không nhất thiết đã có hỷ [4]. Hỷ bao gồm trong hành uẩn (Sankharakkhandha), lạc bao gồm trong thọ uẩn (Vedanakkhandha). Nếu một người bị kiệt sức trong sa mạc nhìn thấy hoặc nói đến “cây cầu” ở cuối cánh rừng, người này sẽ có hỷ; nếu người đó bước đi vào trong bóng mát rừng rậm và được tận hưởng luồng nước mát mẻ, hẳn sẽ có được lạc.

Có nhiều từ khác nhau được dùng để mô tả thọ hỷ và hỷ, như vậy sự so sánh vừa đề cập đến ở trên giúp chúng ta có được hiểu biết lý thuyết về hai thực tại này. Nếu ta niệm được những thực tại khi chúng vừa xuất hiện thì ta có thể phát triển được hiểu biết chính xác hơn những trạng thái của hai thực tại này. Tuy nhiên, chúng ta không nên tìm cách “hiểu” những thực tại đặc thù này. Nó hoàn toàn lệ thuộc vào những điều kiện nhờ đó mà pháp niệm được nhận ra.

Như chúng ta đã biết, trong trường hợp tâm dục giới, hỷ xuất hiện với các tâm đi kèm thọ hỷ. Bất kể khi nào ta quan tâm đến đối tượng và thích thú điều đó, chắc chắn chúng ta sẽ có thọ hỷ; trong những trường hợp như vậy không thể có thọ xả hay thọ ưu.

Trong trường hợp tâm bất thiện, hỷ xuất hiện với những tâm tham căn đi kèm với thọ hỷ [5], khi thọ hỷ đi kèm với tâm tham căn nó trở nên mãnh liệt hơn khi đi kèm với thọ

xả. Hỷ xuất hiện chung với tâm tham căn lại kèm với thọ hỷ có dính dáng tới cảm giác khêu gợi, ta thấy thật thú vị, xúc động vì đối tượng đó. Thí dụ, khi chúng ta hoàn toàn thích thú thưởng thức một đoạn nhạc hay, chúng ta có thể vỗ tay tán thưởng rất nhiệt tình. Khi chúng ta cảm phục một nhạc sĩ, một họa sĩ hay một vận động viên thể thao nổi tiếng, tâm tham căn có thể xuất hiện trong nhiều sát na chung với hỷ. Khi chúng ta gắn bó với một đối tượng với thọ lạc, hỷ cũng xuất hiện. Đối tượng có thể là một cảnh sắc đẹp, một âm thanh hay, một mùi thơm ngát, một vị ngọt ngào, cảnh xúc lạc hoặc một cảnh pháp hay được cảm nghiệm qua ý môn. Có rất nhiều sát na hỷ bất thiện xuất hiện chúng ta không thể nhận ra được.

Hỷ không thể xuất hiện với tâm sân. Khi tâm sân xuất hiện, thì tâm không thích cảnh và rồi hỷ không thể xuất hiện cùng một lúc với tâm sân được. Hỷ không thể xuất hiện với tâm si; khi tâm si xuất hiện thì không thể hỷ được.

Trường hợp tâm vô nhân (Ahetuka citta) [6]. Chỉ có hai loại đi kèm với thọ hỷ xuất hiện với hỷ mà thôi: Một loại là tâm quan sát (Santirana citta), tức là dị thực hay quả thiện xuất hiện và đều nghiên một cảnh [7] và tiểu sanh tâm (Hasituppada citta), tức là tâm tạo ra nụ cười của vị A-la-hán [8].

Khi thấy xuất hiện, do chỉ là một trong ngũ song thức, tức là các nhận thức giác quan, nên khi thấy ta không có thọ hỷ hay hỷ với cảnh sắc đó, thấy chỉ đơn thuần là nhìn thấy đối tượng mà thôi, nếu như cảnh sắc được nhận ra đó là cảnh thật tốt, thì tâm quan sát trong qui trình đó sẽ đều nghiên đối tượng đi kèm với thọ hỷ và hỷ. Các tâm đồng lực trong qui trình đó có thể hoặc không đi kèm với hỷ. Nếu các tâm này đi kèm theo với thọ hỷ thì chúng cùng đi kèm với hỷ.

Đối với tâm dục giới tịnh hảo, chỉ có những loại đi kèm với thọ hỷ xuất hiện với hỷ mà thôi. Khi chúng ta giúp đỡ một người nào đó với tấm lòng đại lượng và đầy hoan hỷ, thì cả tâm thiện đi kèm với thọ hỷ đó cùng với hỷ

sẽ tiếp sinh lực cho thân và tâm. Ngay cả khi mệt mỏi đã xảy ra trước đó, thì mệt mỏi đó cũng biến mất và chúng ta được sáng khoái. Khi chúng ta tụng kinh cảm giác sáng khoái đó cũng có thể xảy ra với tâm thiện đi kèm theo hân hoan và hỷ. Ở những sát na như vậy chúng ta không còn cảm thấy nhàm chán hay mệt mỏi gì nữa. Đó là lúc hỷ xuất hiện và tạo ra mỗi quan tâm thích thú nơi đối tượng.

Có đôi khi chúng ta cảm thấy hân hoan và hỷ tràn trề khi giúp đỡ người khác, khi chúng ta loại bỏ được điều gì đó hoặc giả khi chúng ta đang thực hiện những điều thiện khác, nhưng chúng ta không luôn luôn có được niềm vui và hỷ ở những hoàn cảnh như vậy. Cũng có đôi lúc tâm thiện đi kèm với thọ xả, với xả, trong những trường hợp như vậy chúng ta không thấy hỷ xuất hiện. Điều này còn tùy thuộc vào những điều kiện hỷ có xuất hiện hay không nữa. Khi chúng ta đặt tin vững mạnh vào điều thiện và nhận ra điểm lợi của điều thiện đó lúc ấy có những điều kiện để cho hân hoan và hỷ xuất hiện đang khi chúng ta chuyên tâm vào điều thiện đó. Khi tâm thiện xuất hiện với thọ hỷ đi kèm thì hỷ tăng thêm sinh lực cho tâm và các sở hữu khác. Thí dụ như cần cũng được hỷ tăng cường thêm sức mạnh. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra điều này khi hân hoan và hỷ với điều thiện xuất hiện, chúng ta cũng có thêm nghị lực để thực hiện điều thiện đó (còn tiếp). ●

[1] Pinayati chính là nguyên nhân của pineti có nghĩa là làm vui lòng, làm khoan khoái, làm thoải mái hay là tăng thêm hăng hái.

[2] Bản dịch tiếng Anh ở đây dùng chữ



endearment có nghĩa là được quý chuộng.

[3] Hãy xem thêm tác phẩm Pháp tụ (Dhammasangani).

[4] Trong trường hợp có tâm sắc giới (Rupavacara citta) trong giai đoạn thiền thứ tư (trong hệ thống thiền 5 bậc) đi kèm theo với các thọ lạc, lạc, nhưng không phải là pháp hỷ.

[5] Xem tác phẩm Vi Diệu Pháp trong cuộc sống đời thường (Adhidhamma in the daily life) chương 4.

[6] Xem tác phẩm Vi Diệu Pháp trong cuộc sống đời thường chương 8 và 9.

[7] Xem tác phẩm Vi Diệu Pháp trong cuộc sống đời thường chương 13.

[8] Xem tác phẩm Vi Diệu Pháp trong cuộc sống đời thường, ch. 9.

Định nghĩa nào cũng đúng, tùy theo tâm tư, suy nghĩ, ước mơ, hoài bão của mỗi người.

Mười năm trước đây, tôi định nghĩa "Giàu" không phải là có nhiều tiền mà là có... rất nhiều tiền. Nhiều tiền có nghĩa là có nhà cao cửa rộng, có xe hơi, có máy bay, có du thuyền, có v.v... Nói chung là có mọi thứ. Tôi thần tượng Bill Gates và ước ao một ngày nào đó tôi cũng như ông ta, dù không trở thành người giàu nhất hành tinh thì cũng là một người giàu sang quyền quý. Tôi sẽ cố gắng trở thành một nhân viên giỏi nhất, ưu tú nhất, xuất sắc nhất, có được mức lương cao nhất.

Cái "Giàu" đó, bây giờ tôi gọi là "Giàu sang".

Năm năm sau, khi đọc cuốn sách "Cha giàu – Cha nghèo" (Rich dad – poor dad), trong tôi hình thành một khái niệm mới về việc đi làm công cho người hoặc làm công cho bản thân mình. Lúc đó hoài bão về việc lập một business riêng để tự làm giàu cho chính mình cao như đỉnh Thái Sơn vờ vờ. Tôi sẽ là một người thành đạt bằng chính đôi tay, trí óc của mình. Sau ngần ấy năm đi làm, tôi sẽ xây dựng được một cái gì đó để lại sau này, chứ không phải chỉ là một người đi làm thuê quần quật suốt ngày.

Cái "Giàu" này, tôi cũng chỉ gọi là "Giàu sang".

Giờ đây, tôi lại có một định nghĩa khác về cái "Giàu".

Tôi vẫn còn đó mơ ước sẽ có cái nhà không phải nhà cao cửa rộng kiểu villa biệt thự, mà đơn giản chỉ là một cái nhà nhỏ, xinh đẹp, có được mảnh sân vườn phía trước trồng một vài hoa lá. Thật ra, ở nhà to để làm gì? Chúng ta cũng chỉ "ở trọ" thôi mà, có ai ăn đời ở kiếp sống mãi đâu.

"Tôi đi ở trọ trần gian" đã ở trọ thì một lúc nào đó cũng phải "chuyển" đi nơi khác.

Tôi cũng còn đó mơ ước có nhiều tiền, nhưng không phải cho bản thân mình. Mà cho người thân, cho gia đình, và cho nhiều người đang có mơ ước muốn "giàu" lên như tôi 10 năm về trước. Tiền nhiều rồi cũng thế. Có cố ăn thì cũng ăn no đến cổ rồi cũng ngừng. Ăn có ngon kiểu sơn hào hải vị, gan hùm lưỡi phượng rồi cũng có "giữ" được gì đâu... có chăng là giữ được thêm tý Cholesterol trong máu!

Có nhiều định nghĩa về "GIÀU"

Hoa Lan

Tôi định nghĩa "giàu" có nghĩa là chúng ta "giàu" thời gian, sức khỏe để có thể đi đây đó, để học thêm, kinh nghiệm thêm về cuộc đời và tận hưởng cuộc sống hiện tại. Chứ không phải "giàu" là cứ ra khỏi nhà lúc 7 giờ sáng và trở về nhà lúc 10 giờ tối lương tháng vài chục nghìn USD nhưng cứ phải quay cuồng trong con vụ cơm áo gạo tiền. Đến một lúc nào đó mệt mỏi, xuôi tay mới nhận ra sao mình quá "nghèo" như vậy.

Tôi định nghĩa "giàu" là cả khi không có nhiều tiền, nhưng chúng ta vẫn sẵn lòng đến với người khác bằng cả tấm lòng giàu tình thương. Sẵn sàng giúp người khác trong khả năng mà mình có thể. Và biết tận hưởng cái "giàu" ngay cả trong cuộc sống khốn cùng. Địa ngục ở đây, và Niết Bàn cũng chính ở đây. Hạnh phúc là tự tại giữa khổ đau. Địa ngục hay Niết Bàn cũng do chính ta mà ra cả.

Tôi vẫn gọi đó là "giàu sang".

Giàu sang có nghĩa là bạn giàu nhưng khi chết đi, bạn phải sang nhượng lại toàn bộ những gì bạn có cho người khác, và chẳng mang được theo mình bất kỳ cái gì cho một cuộc sống mới. Nhiều người rất giàu, có rất nhiều tiền. Họ có cái may mắn có nhiều cơ hội để "làm giàu" hơn người khác, nhưng tiếc thay họ chỉ biết chiếm đoạt, ôm giữ mà không biết chia sẻ cho bất kỳ ai điều may mắn đó.

Giàu có có nghĩa là khi chết đi, bạn vẫn còn có cái để mang theo v.v... Sau ngần ấy năm quần quật, tôi sẽ để lại cho người và cho cả chính mình những cái mà sẽ không mất đi khi tôi chết. Cái mà nhà Phật hay gọi là: "Công đức, phước báu"...

Tôi gọi đó là "giàu có".

Của nào bằng của làm lành

Cho đi có nghĩa để dành bấy nhiêu. ●



Giao lưu với Nghệ sĩ Ưu tú



THANH KIM HUỆ

Chơn Minh thực hiện

PV. Xin chị giới thiệu về bản thân mình

Thanh Kim Huệ: Tôi tên thật là Bùi Thị Huệ, sinh trưởng tại Sài Gòn trong một gia đình lao động nghèo, tôi học đến trung học phổ thông. Chồng tôi là nghệ sĩ Thanh Điền, và chúng tôi có một con trai đang là nhiếp ảnh gia nghệ thuật.

PV. Hoạt động nghệ thuật Cải lương của chị như thế nào?

Thanh Kim Huệ: Tôi bắt đầu đi hát từ năm lên 10 tuổi, và khi học hết cấp 3 thì theo nghề cho đến bây giờ (khoảng thập niên 1970). Tôi đã từng cộng tác với các đoàn hát như: Thanh Minh Thanh Nga, đoàn Kim Chung và sau 1975 thì cộng tác với các đoàn Sài Gòn 1, 2, 3, đoàn Văn công TP. Hồ Chí Minh. Tôi đã diễn qua rất nhiều vở cải lương, và diễn qua rất nhiều thể loại vai, nhưng vai diễn mà tôi tâm đắc nhất là vai Lan trong vở Lan và Điệp, vai Thị Hến trong vở Nghêu, Sò, Ốc, Hến. Hay các vai diễn trong vở Yêu và Ghét, Em ơi đừng khóc nữa v.v...

PV. Được biết chị vừa là soạn giả của một số vở cải lương và tác giả của cuốn sách truyện "Chuyện hàng ngày" mang chủ đề Phật giáo, xin chị cho biết cảm tưởng của mình về lĩnh vực này?

Thanh Kim Huệ: Tham gia với vai trò soạn giả, tác giả và là diễn viên trong những

vở cải lương mang chủ đề Phật giáo như vở Tiên thân Đức Phật A Di Đà; Quan Âm xây cầu; Liên hoa sắc v.v..., tôi muốn dùng lời ca tiếng hát của mình để làm một nhịp cầu nối Đạo với Đời đưa khán giả đến với Phật pháp, có cái nhìn sâu sắc, thấm nhuần Phật pháp qua nhân vật mà mình thể hiện, vì tôi thấy nó hợp với bản chất nhân hậu của người Việt ta, mà đó cũng là ước nguyện tôi muốn phục vụ Phật pháp qua nghề nghiệp của mình; không những thế với tác phẩm "Chuyện hàng ngày" do tôi biên soạn, qua 40 câu chuyện kèm lời bình tôi đã nhận được sự ủng hộ từ phía độc giả cho biết đây là một cuốn sách truyện đã thể nhập giáo lý Đức Phật vào cuộc sống thực tế đời thường để chúng ta có thể soi rọi lại chính mình khi quan niệm về cuộc sống và hiểu biết đôi chút về Đức Phật, một Bậc đã giác ngộ hoàn toàn.

PV. Khi đến với Phật giáo chị rút ra được điều gì tâm đắc cho mình?

Thanh Kim Huệ: Nhờ hiểu biết Phật pháp, tôi biết tránh được việc tạo nhiều nghiệp bất thiện, gọi nôm na là tội, biết sống hợp lẽ đạo trong đời nhân xử thế, thanh lọc tâm ý để ngày càng hoàn thiện mình hơn. Lời dạy của Đức Phật được xem như phao cứu sinh giúp cho tôi vượt qua những sóng gió cuộc đời. Tôi cảm nhận Phật giáo là một nếp sống hơn là một Tôn giáo đã giúp tôi phấn đấu rèn luyện trở thành một nghệ sĩ sống có đạo đức, giữ



vững uy tín mình, biết sống chan hòa với đồng nghiệp và phát triển lòng vị tha đối với mọi người, nhất là khán giả và độc giả mến mộ.

PV. Xin chị cho biết những thành đạt của mình trong lĩnh vực nghệ thuật cải lương?

Thanh Kim Huệ: Tôi được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú và đạt nhiều huy chương vàng qua các kỳ tham gia hội diễn Nghệ thuật Cải lương.

PV. Đối với giới trẻ học Phật ngày nay chị có chia sẻ điều gì?

Thanh Kim Huệ: Giới trẻ ngày nay cần nên học Phật pháp thường xuyên hơn để có được một nếp sống đạo đức tốt trong gia đình cũng như ngoài xã hội, biết đúng sai; biết sống có trách nhiệm; biết tự kiểm chế mình tránh sa đà trước mọi cám dỗ của nền văn minh vật chất. Hãy xem giáo lý Phật giáo như kim chỉ nam cho cuộc sống để đừng đánh mất mình và nhất là để hiểu được bản chất của sự vật trong cuộc sống là vô thường, khổ và vô ngã.

PV: Xin cảm ơn chị về buổi trò chuyện hôm nay. Chúc anh chị thành công trên con đường nghệ thuật của mình.●



Nghệ thuật Phật giáo có vai trò hết sức quan trọng trong văn hoá nhân loại, nó không chỉ đơn thuần là sự phác hoạ lại hình ảnh kim thân Đức Phật, mà thông qua đó các khái niệm Phật giáo được phản ánh dưới nhiều hình thức nghệ thuật như: điêu khắc, kiến trúc, hội họa v.v... trải qua gần 25 thế kỷ có thể nói sự phát triển của hệ thống nghệ thuật kiến trúc Phật giáo khá đa dạng và phức tạp, đặc biệt là trong hệ thống nghệ thuật Phật giáo phát triển. Đến nay vai trò của nghệ thuật Phật giáo vượt ngoài tính nguyên sơ của nó, như phản ánh hình ảnh Đức Bốn Sư, phác hoạ lại cuộc đời của Ngài, phản ánh các khái niệm v.v... Trong các lĩnh vực nghệ thuật Phật giáo, hình tượng Đức Phật luôn có một vai trò hết sức quan trọng, khi một người Phật tử, du khách đến thăm các ngôi tự viện; việc đầu tiên là phải đến để lễ bái kim thân Đức Bốn Sư, nhưng một điều mà hầu hết chúng ta đã bỏ qua đó, chính là hình - tượng của Đức Phật đã có tự bao giờ, những trường phái nghệ thuật nào đã đặt nền móng cho sự phát triển hình - tượng kim thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sự khác biệt của những quan điểm về vấn đề khắc hoạ hình tượng Đức Bốn Sư như thế nào v.v...

Cách đây hơn 2500 năm, khi Đức Phật tổ Cồ Đàm (Gotama) còn tại thế, hình tượng Đức Phật hầu như chưa xuất hiện và việc tạc tượng cũng không được ủng hộ bởi chính Ngài. Trong thời kỳ đó các hàng đệ tử Phật lo ngại mỗi khi ngài vắng mặt thì làm sao các hàng thiện tín có thể lễ bái, cúng dường Ngài; thế là họ đã dùng hình tượng cây Bồ Đề, dấu chân Đức Phật, bánh xe Pháp v.v... làm biểu tượng thờ cúng.

Theo huyền sử vào hạ thứ bảy (năm -583), trong thời gian ẩn cư trong vùng núi Samkassa, Đức Phật lên cung trời Đao Lợi (Tavatimsa) thuyết Vi diệu pháp (Abhidhamma) cho thiên chúng và thân mẫu Maha Maya nghe. Vì vắng mặt Phật quá lâu nên các hàng đệ tử đã tạc hình tượng Đức Phật để lễ bái, cúng dường. Nếu dữ kiện này có thật thì có lẽ hình - tượng Đức Phật đầu tiên đã xuất hiện với dạng tả thực dưới hình dạng con người, không còn là những biểu tượng của bánh xe pháp, cội cây Bồ Đề v.v... Nếu căn cứ theo lịch sử thì hình tượng Đức Phật xuất hiện khá muộn, sau khi Ngài nhập diệt, các hàng đệ tử chỉ dùng

NGUỒN GỐC HÌNH - TƯỢNG ĐỨC PHẬT

Ths. Hoài Lan

những hình tượng biểu trưng như bánh xe Pháp, hình ảnh Thái tử rời bỏ hoàng cung, cội cây Bồ Đề v.v... để lễ bái, xem như đã tỏ lòng tôn kính Đức Phật. Những nguyên nhân sâu xa trong việc dùng hình tượng, vật tượng trưng để thay thế kim thân Ngài dưới dạng hình người vì những lý do:

- Đức Phật tuyên bố sau khi Ngài nhập diệt, các hàng đệ tử hãy lấy giáo Pháp làm thầy.

- Những người theo Phật giáo Nguyên thủy tin rằng sau khi Đức Phật nhập diệt thì thân ngũ uẩn của Ngài không còn tồn tại nữa, chỉ còn lại Xá Lợi mà thôi.

- Đức Phật không khuyến khích các hàng đệ tử chỉ chú trọng vào việc lễ bái hình tượng của Ngài.

Trong suốt mấy trăm năm đầu sau khi Đức Phật nhập diệt, việc khắc họa Đức Phật dưới dạng hình người xem như là một sự mô tả không tôn kính, vì lễ Đức Thể Tôn là Đấng toàn tri, diệu giác. Trong thời kỳ này những nghệ nhân đã lấy những biểu tượng như: vườn Lâm Tỳ Ni, cội Bồ Đề, bánh xe Pháp, Tháp v.v... Những nghệ nhân đã khắc họa toàn cảnh vườn Lâm Tỳ Ni, hoàng hậu Maya vịn cành cây Sala hạ sinh Bồ tát Sĩ Đạt Ta; hoặc cảnh đức Bồ tát vượt sông Anoma để tầm đạo; toàn bộ khung cảnh Đức Phật chuyển pháp luân⁽¹⁾.

Có rất nhiều giả thuyết về nguồn gốc và sự hình thành hình – tượng Đức Phật, nhưng cho đến nay cả nhà nghiên cứu đều thừa nhận rằng thời kỳ Thánh tượng được bắt đầu vào khoảng thế kỷ thứ I TCN, mở màn cho trào lưu Thánh tượng này

(1). Những hình tượng này chúng ta có thể khảo sát tại ngôi tháp cổ Sanchi, Bharhut tọa lạc tại Madhya Pradesh.

là trường phái nghệ thuật Gandhara (Càn đà la) và Madhura (Ma châu la)⁽²⁾. Tiếp theo sau đó chính là thời kỳ phát triển của nhiều trường phái nghệ thuật hình – tượng Đức Phật mà nổi trội nhất là trong hệ thống nghệ thuật Phật giáo phát triển. Cho đến ngày nay, hình tượng Đức Phật đã phát triển và biến tấu rất khác xa so với thời kỳ nguyên sơ, chỉ có thể tìm thấy một sự tương đối đồng nhất trong hệ thống nghệ thuật Phật giáo Nguyên thủy, không khác xa lắm so với thời kỳ Gandhara và Madhura, nhưng sự biến tấu cũng diễn ra ở những hoa văn, họa tiết, nét mặt v.v... ở những nước khác nhau như Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia. Như vậy, sự phát triển của nghệ thuật hình – tượng Đức Phật đã phát triển qua hai thời kỳ chính:

- Thời kỳ Phi thánh tượng khoảng thế kỷ thứ V-I TCN.

- Thời kỳ Thánh tượng thế kỷ I- ngày nay.

Thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của nghệ thuật hình – tượng Đức Phật là thời kỳ Thánh tượng, đặc biệt là hệ thống nghệ thuật Phật giáo phát triển đã làm nên sự bứt phá ngoạn mục trong nghệ thuật Phật giáo, đáng chú ý là những hình – tượng Đức Phật được khắc trong chùa hang Ajanta và Ellora, khu vực động Đôn Hoàng (Trung Hoa) và khu vực Đông Nam Á. Nghệ thuật hình tượng Đức Phật đã trở thành một bản sắc văn hóa cho những xứ sở Chùa – Tháp, cho nghệ thuật Phật giáo, và là tinh hoa nghệ thuật của văn hóa nhân loại.●

(2). Hai trường phái nghệ thuật Gandhara và Madhura được các học giả lấy tên địa danh để gọi và được xem như trường phái nghệ thuật sớm nhất và đặt nền móng cho hình – tượng Đức Phật.

Những Con Mèo Kỳ Lạ Nhất Thế Giới

Song Kiều

(Theo National Enquirer)

Mèo là loài động vật được con người nuôi trong nhà khá phổ biến trên thế giới, Chỉ tính ở Mỹ cũng đã có hơn 60 triệu gia đình nuôi mèo và chăm sóc chúng rất chu đáo. Người Mỹ không chỉ nuôi mèo phổ biến như các gia đình nông dân ở ta. Họ còn kỳ công hơn, bằng cách tuyển chọn nhiều giống mèo kỳ lạ nhất thế giới để nuôi cho thiên hạ xem. Vicky Marsktein - một chuyên gia người Mỹ nổi tiếng nghiên cứu về mèo, cũng là người thích nuôi mèo kỳ lạ nhất, ông còn là một nhà đạo diễn của một chương trình biểu diễn các giống mèo lạ, độc đáo nhất nước Mỹ. Đây là chương trình độc đáo đã đem đến cho người xem sự sững sốt cao độ khi trình diễn 7 giống mèo kỳ lạ nhất thế giới :

1. MÈO SƯ TỬ ĐẦU NGƯỜI

Con mèo này được đặt tên là Sphunx (tượng đá Ai Cập có thân mình giống con sư tử, đầu người). Sở dĩ nó được đặt tên như vậy, vì hình dáng kỳ lạ hiếm thấy với bộ da nhăn nheo và gần như trụi lông, có đôi tai cực lớn như tai lừa, hai mắt to như mắt nai, và đặc biệt con mèo này có hình dáng giống như Yoda trong bộ phim khoa học viễn tưởng Star Wars của Mỹ (chiến tranh các vì sao). Con mèo có những móng vuốt giống như loài gấu trúc ở Mỹ.

2. MÈO CHÓ - CHỒN

Người ta gọi giống mèo này là mèo chó - chồn. Chúng có thân mình dài, đôi chân lại ngắn bất thường. Đây là kết quả của sự biến đổi gen di truyền. Khi một con mèo sinh con

có hình dáng biến đổi bất thường, người ta đã dùng phương pháp biến đổi gen để tạo ra giống mèo kỳ lạ này.

3. MÈO VUA SƯ TỬ (LION KING)

Là giống mèo xuất xứ từ IRAN. Chúng được gọi là vua sư tử (Lion king), rất được những người nuôi mèo trên thế giới yêu quý, vì dáng vẻ lạ mắt của nó. Con mèo có bộ lông ngắn tự nhiên ôm sát thân, thoát trông ai cũng nghĩ nó được cắt tỉa bởi bàn tay của con người, chúng



còn được đặt cái tên là "sư tử trọc". Kiểu lông trụi này gợi nhớ phong trào cắt lông mèo của dân Paris (Pháp) cách đây 150 năm. Người nuôi con mèo này đã làm tăng dáng vẻ lịch thiệp của nó bằng một chuỗi xương cá nạm bạc, đeo quanh cổ con vật cưng của mình.

4. MÈO ANH QUỐC

Đây là giống mèo CORNISH REX, có họ khẩu thường trú tại vùng Cornwall, nước Anh, chúng

có một bộ lông gợn sóng và mềm như nhung. Con mèo có chiếc đuôi dài, bụng thon, đặc biệt



bốn chân mảnh khảnh cao kều, và đôi tai to, mềm như tai thỏ. Trông chú mèo như một con chó gầy, chạy nhanh, chuyên đi săn mồi.

5. MÈO NHẬT

Loài mèo này có bộ lông dài, đuôi ngắn,



nguyên quán ở xứ sở Mặt trời mọc (Nhật). Con mèo này có cái đuôi đặc biệt ngắn với chòm lông xoắn ngộ nghĩnh, toàn thân có bộ lông màu trắng, điểm những đốm vàng sáng, và rất mịn.

6. MÈO TAI CÚP

Con mèo này có đôi tai cong ngược về phía sau, tạo thành một vòng hào quang phản chiếu quanh đầu. Đây là giống mèo lông dài xoắn



của Mỹ, và chính nhờ bộ lông sắc sảo mềm mại này nên chúng rất được ưa thích.

7. MÈO RỪNG NAM MỸ

Người ta thường gọi nó là Ocicat có nghĩa là mèo rừng Nam Mỹ, vì nó có bộ lông vàng rực, có điểm những chấm tròn, trông như loại mèo Bobcat (mèo lông ngắn) hay linh miêu rừng (lynx). Đây là một giống lai tạo do con người lai từ các giống mèo Abyssinian, mèo Thái Lan và mèo lông ngắn của Mỹ. Tuy hình dáng của nó khá bình thường so với những con mèo khác, nhưng lại là giống mèo cực quý hiếm, được gọi là đại vô địch của các loài mèo. ●



PHẬT PHÁP NHIỆM MẦU

HT. Thích Giác Toàn

*Kính lạy
quý Tôn đức và đại biểu
tham dự Hội nghị Chuyên đề
Phật giáo Năm lòng lại Kiên Giang*

*Kính dâng Tam bảo nhiệm mầu
Mừng nay Phật Pháp nổi cầu nhân gian
Hội Tăng già ánh đạo vàng
Nghị bàn thiện sự thơm lan đạo đời
Chuyên tâm tỏa sáng niềm vui
Đề hồ pháp sự rạng ngời hồng dương
Phật Đà vi diệu muôn phương
Giáo truyền chơn lý rộng đường độ sanh*

*Nam phương Đông Á đất lành
Tông phong giới định tươi cành ngàn năm
Nguyên vẹn chánh pháp trắng rằm
Thủy lưu vô tận mạch ngầm thượng duyên
Lần hồi phúc quả hiện tiền
Bốn mùa nhuần đượm rừng thiền trở hoa
Kiên chí phát triển Tăng già
Giang sơn bát ngát một tòa uy nghiêm.*

VÌ SAO TÔI HẠNH PHÚC?

Sư cô Hiền Giới

*Tôi biết rõ vì sao tôi hạnh phúc
Vì sao tâm bình lặng giữa mưa giông
Vì sao luôn tươi mát giữa vườn lòng
Vì tôi đã sống bằng phép mầu biển Pháp.*

*Trong tâm thức lời Thế Tôn êm mát
Mà Tăng già bừng lung khắp muôn nơi
Tôi hầu duyên được hưởng chút hương trời
Nền tự tại giữa muôn ngàn đền đài.*

*Tôi an lạc không để tâm phiền não
Không sân si làm mệt mỏi kiếp người
Tôi hòa mình trong các Pháp rong chơi
Không phân biệt pháp môn mình và bạn.*

*Mỗi bài pháp đều cho tôi chút sáng
Để thông dong từng bước thế gian này
Để hòa mình trong vũ trụ trời mây
Để thanh thản nghe lòng mình thơ thới.*

*Đường Phật quả dù khó khăn bước lời
Cũng cố đi cho tới mức cuối cùng
Đến bao giờ ra khỏi khổ trầm luân
Chào vĩnh biệt con đường dài sanh tử.*



VÔ DUYÊN

Song Minh

*Chẳng đau khổ lấy chi làm chất liệu
Chẳng buồn vui sao hiểu chuyện nhân gian
Chẳng nghèo khó sao biết phận cơ hàn
Chẳng giàu sang sao biết hạng quyền quý.*

*Chưa xuất gia sao biết mùi đạo vị
Chưa ở chùa sao hiểu vị trầm hương
Chưa yêu thương sao biết sợi tơ vương
Chưa thiền định sao biết thương bản ngã.*

*Không cha mẹ mới hiểu phần cô cút
Không lái sản mới thương chút phận nghèo
Không bằng hữu mới biết sự cheo leo
Không trí tuệ luân hồi theo ta mãi.*

Thầy Tôi

Tâm Uyên

Người ta tu cốc tu am.
Thầy tôi tu chợ nên kham việc đời.
Kính không nên chẳng có lời.
Chữ từ bi tụng một đời chưa xong.

Thiền sư tay bế tay tông.
Chẳng sanh sao lại con đông thế này.
Quan Âm ngàn mắt, ngàn tay.
Thầy tôi đơn chiếc nuôi bầy con đông.

Uỷ nghi giới đức thông dong.
Đạo đời hai vế cứ lồng vào nhau.
Giường soi đệ tử dập đầu.
Hiện hành nghiệp lớn nói câu khiêm nhường.

Gia tài chỉ một chữ “Thương”
Thầy tôi con khắp mười phương gọi chùa
Ai rao nghèo bán cũng mua.
Đồng Thương cứ lở nhưng chưa lần bồi.

Câu kinh đắp lại tình người.
Tặng cho lành những mảnh đời rách rưới.
Chuông chiều hòa với giọt mưa.
Thầy tôi làm mẹ, cũng vừa làm cha.

Trót đem sóng để làm nhà.
Qua cơn bể cực đã là cơ may.
Ai đem bóng tôi phủ đầy.
Duyên hay là nghiệp mà Thầy cứu mang.

Cửa lòng bốn cánh mở toang.
Còn thân, còn phải đa đoan kiếp người
Thương con cha nợ một đời.
Ba y một bát từ thời sơn môn.

Người ta tu chốn núi non.
Thầy tôi quảy gánh cần khôn xuống trần.
Tọa thiền an trú trong thân.
Chỉ nghe thế giới muôn phần khổ đau

Dòng đời cứ dẫm lên nhau.
Luân hồi kẻ bước, người sau đi về.
Ba ngàn thế giới có nghe?
Tiếng kinh cầu giữa bốn bề nhân gian

Người ta quảy trượng lên ngàn.
Thầy tôi bận bịu với đàn trẻ thơ.
Tâm không chẳng trụ bốn bờ.
Thiền sư đâu thể thờ ơ với đời.

Thuyền từ ngược nước ra khơi.
Vượt qua bể khổ ai người cứu cho.



BĂNG KHUÔNG

Ái Minh

ƠN MẸ

Bé Thụy Minh 10 tuổi

*Có ai đã biết rằng
Mẹ khóc trong thầm lặng
Nước mắt mẹ mãi rơi
Rơi trong màn đêm tối*

*Chỉ tại con bất hiếu
Làm mẹ khóc đêm ngày
Con hứa sẽ đổi thay
Đền đáp công ơn mẹ*

*Nuôi nấng con từ bé
Lên khôn đến bây giờ
Chắc mẹ mãi mong chờ
Con lớn ngoan từng phút*

*Con yêu mẹ mãi mãi
Tình cảm không hề phai
Công ơn này của mẹ
Rộng hơn bể trời cao*

*Ái về quét lá Bồ Đề
Cho tôi kính hỏi: đường về Phật Tâm?
Ái về đốt nén hương trầm
Cho tôi kính gởi đôi dòng nhớ thương:
Cuộc đời dâu bể tang thương
Hãy tìm Ánh Đạo mà nương lối về
Ái về nhặt lá Bồ Đề
Giúp tôi rũ sạch ái mê cuộc đời.*





TÁC HẠI CỦA ĂN TỐI MUỘN

Ăn tối muộn có thể dẫn đến hàng loạt các bệnh như béo phì, tiểu đường, ung thư ruột kết, sỏi tiết niệu...

1. Béo phì

Ăn muộn khiến nồng độ của các axit amin, axit béo và đường trong máu sẽ tăng lên. Lúc này nếu bạn ít vận động, nhiệt năng ít tiêu hao sẽ khiến các chất béo được tích lũy và dần dần làm cho cơ thể béo lên.

2. Tăng huyết áp

Ăn thịt nhiều không chỉ làm tăng "gánh nặng" cho dạ dày mà còn dễ gây tăng huyết áp.

Nếu ăn chất xong rồi ngủ luôn sẽ khiến sự lưu thông máu chậm lại, rất nhiều máu sẽ được "gửi vào" các thành mạch, gây xơ vữa động mạch.

3. Tiểu đường

Ăn tối muộn cùng với ăn quá nhiều sẽ giảm lượng insulin sinh ra.

Bình thường, đường trong máu được kiểm soát bằng insulin, nó có tác dụng làm giảm đường trong máu. Khi lượng insulin không đủ sẽ gây tăng đường huyết, dẫn tới bệnh tiểu đường.

4. Sỏi tiết niệu

Nghiên cứu y học cho thấy, ăn tối muộn là một trong những nguyên nhân gây ra bệnh ở đường tiết niệu.

Canxi trong thức ăn không được hấp thụ

Vì sao nên ĂN NGỌ?

Thúy Cao (Theo Sina)

hết trong ruột, khoảng 70-80% sẽ bị đào thải qua đường bài tiết. Ăn tối quá muộn, không vận động mà lập tức đi ngủ luôn, nước tiểu sẽ tích lũy trong bàng quang, hàm lượng canxi trong nước tiểu không ngừng tăng lên, về lâu về dài sẽ hình thành sỏi tiết niệu.

5. Ung thư ruột kết

Sau khi ăn đêm, các hoạt động giảm khiến cơ thể khó tiêu hóa thức ăn. Khi ngủ thức ăn "bám lại" lâu dài trong ruột, thúc đẩy nguy cơ mắc ung thư ruột kết.

6. Đột tử

Ăn muộn kết hợp với uống nhiều rượu rất dễ gây viêm tụy cấp, gây "sốc" trong giấc ngủ, dẫn đến đột tử.

7. Suy nhược thần kinh

Ăn muộn quá no gây áp lực lên các cơ quan xung quanh. Dạ dày, ruột, gan, túi mật, tuyến tụy sẽ truyền "thông tin" đến não, khiến các tế bào não hoạt động trở lại. Một khi "làn sóng phấn khích" lan ra các phần khác của vỏ não thì sẽ dẫn tới ác mộng. Tình trạng kéo dài có thể gây suy nhược thần kinh.

Do vậy, không thể lấy lý do vì công việc bận rộn mà tạo cho mình thói quen ăn sáng vội vàng, ăn trưa vội vã hay ăn tối quá muộn. Tốt nhất bạn nên thiết lập cho mình một chế độ ăn cân bằng dinh dưỡng, chú ý đến tỷ lệ hợp lý giữa 3 bữa sáng, trưa và tối (30%, 40%, 30%). Bằng cách này, bạn có thể phòng ngừa những cơn đói cồn cào đến bất chợt và có thể bảo đảm mình sẽ không ăn quá nhiều vào buổi tối. ●

Pháp làm cho thương mến lẫn nhau



Ts. Thái Văn Chải

Pháp tướng vọng (Sārāṇiya) là yếu tố khiến hình thành sự nhớ nhung giao thoa lẫn nhau, song song với sự tương thiện, còn có nghĩa khuyến khích nhau làm việc thiện. Pháp bảo của Đức Phật thuộc triết lý thâm sâu, người phàm cần thận trọng tránh bàn tán bừa bãi một cách vô tâm. Người Phật tử chơn chánh luôn biết mình là kẻ phàm phu đầy đầy lòng tham lam ít kỹ. Khi ta bàn bạc một sự việc có tính cách thiêng liêng về giáo lý từ bi, cần bám lấy văn bản chủ yếu từ Tam Tạng Pāli làm nền tảng để giảng giải. Điều tối kỵ là chớ nên tự tiện bịa đặt ra những điều đối kháng lời kim ngôn của Đức Phật hoặc suy tưởng để xướng ra một lối hành đạo sai lệch lời Phật dạy, cá biệt là xa lìa luật tạng sẽ tai hại cho tiền đồ Phật giáo. Từ đó mất đi lòng tự tin, suy tìm linh thần cứu độ cho mình và môn đồ, trở nên thành viên của Đa Thần giáo. Tam qui đã diệt, ly phản nguồn cội chính thống, khẩu niệm thần linh, tâm mong thiên nhân độ mệnh, mất nẻo về lộ đồ giải thoát, niết bàn trở nên huyền ảo.

Bởi thế, để hiểu rõ câu Phật ngôn trên ta phải thấu đáo định nghĩa của “sự tương vọng nhớ nhung” tức là sự tương nhớ lẫn nhau giữa tình gia quyến, tình bạn bè, tình quốc gia dân tộc, giữa tín ngưỡng Phật giáo. Mục đích sự nhớ nhung mang tính hướng thiện. Mọi người chăm sóc lẫn nhau luôn hành động lành mạnh, động viên nhau phải

có cuộc sống lợi mình ích người, xả thân cho nhau khi gặp việc bất trắc xảy ra. Chúng ta tương nhớ nhau, mong có sự đoàn kết tốt để thực hiện những công việc có lợi ích hiện tại và lợi ích tương lai, ngăn chặn nhau, tránh gây ra những điều không hợp lẽ đạo. Ở bất cứ nơi đâu cũng vậy, khi thiếu sự đoàn kết đồng tình, không có sự thông cảm xoa bỏ sự sai sót, độc đoán tranh luận, cãi vã giành giật phần phải, bất chấp thủ đoạn nơi đó chắc chắn sẽ không có sự yên vui thịnh lợi. Ngược lại, nơi nào con người có kiến thức, sống có sự hiểu biết, chan hoà lẫn nhau, có sự hoà thuận đồng lòng, hiểu hạnh với nhau, nơi đó hằng có sự yên bình. Con người sinh sống nơi đó sẽ có sự an vui thịnh vượng. Mọi người sinh ra trên trần gian này bất luận thuộc địa vị nào trong xã hội, nam hay nữ, ai cũng chán ghét, sợ hãi sự khốn khổ, yêu thích sự an vui, mong muốn sự sướng ích như nhau. Những nơi yên ổn như vậy sẽ ảnh hưởng tốt đến các loài cầm thú, chúng đều thấy cùng cảnh ngộ, sợ khốn khổ ham muốn được sự an vui hạnh phúc. Tuy nhiên, có một số không ít người đều có cùng một tâm trạng ghen ghét, mong mỗi được sự yên vui, song trái lại làm những điều tội ác thất đức, đơn sơ nhất là giết hại các loài vật để cung phụng nhục thể cho là vật dưỡng nhân, nguy khốn hơn là học thói độc ác vô nhân đạo như giết người cướp của, hoặc sát hại kẻ khác tạo

sự hùng mạnh để tiến tới những sự tội lỗi khủng khiếp cho đồng loại mà không hề có một chút hối hận ăn năn, tức là kẻ đã chủ trương chống lại xã hội, khiến cho bản thân nhận lấy hậu quả sân si, cuồng tín. Những sự độc ác và những tội lỗi này một phần là vì sự dễ dãi khinh thường ác đạo, đồng thời vì sự ngu muội, lầm lẫn vô đạo đức. Đức Phật có lòng đại từ bi quảng đại, Ngài thương xót tất cả chúng sinh, không phân biệt. Khi Ngài hiểu rõ lòng mong ước của chúng sanh như thế, nên Ngài đã giáo hoá phương pháp tầm cầu sự an vui, hạnh phúc, để chư Phật tử thực hành theo hầu nhận được quả báo an vui thịnh vượng. Đức Phật dạy phương pháp thực hành đó là để tầm sự an vui hạnh phúc trong kinh tạng có tên là *sārāṇiyadhamma*, nghĩa là Pháp làm thu hút con người, nhớ thương lẫn nhau, có sự đoàn kết đồng tâm hiệp lực, có lòng từ bi giúp đỡ, không gây gổ tìm cách hãm hại nhau. Một khi sự đoàn kết phát sinh rồi sự an vui hạnh phúc và thịnh vượng cũng sẽ phát sinh.

Pháp *Sārāṇiya* có 6 phần là:

1) Thể hiện ngăn chặn nghiệp thân, có lòng từ bi đối với các bậc phạm hạnh, tiết chế dục vọng, thể hiện lòng từ bi giúp ích mọi người, bằng sự chiếu cố thật tâm, chăm sóc bảo vệ lẫn nhau trước mặt cũng như sau lưng.

2) Thể hiện ngăn chặn nghiệp khẩu, luôn có lòng bác ái, luôn có sự giáo dục các thành viên trong gia đình, trong cùng xóm làng với nhau để hiểu được giáo lý, biết được luật lệ. Thấu rõ được tội phước, đúng sai, các bậc phạm hạnh luôn giảng giải cho Phật tử hiểu rõ ràng, đây là việc xấu xa sẽ trả quả bất hảo, nghĩa là nó sẽ đem lại sự đau khổ, phiền não, diệt vong mọi thứ ở kiếp này và kiếp sau. Do đó, nó sẽ đem lại quả lành, sự an vui, sự thịnh vượng đến cho người. Người giúp giáo dục kẻ khác, biết được các điều xấu xa, chỉ làm những điều tốt đẹp, đó là phước thiện khiến cho phát sinh quả an vui hạnh phúc.

3) Thể hiện ngăn chặn nghiệp ý, có lòng tâm từ bi bác ái, thương xót đến những



người đang sống trong gia đình hay ngoài gia đình. Những người tập trung lòng từ bi, nhớ nhung, suy tưởng đến đối phương nào đó, dù họ là bạn bè, kẻ thù đều mong họ luôn gặp sự an vui hạnh phúc, phát triển, có tiếng tăm đồn đãi tốt, thanh danh cao cả, không có oan trái lẫn nhau, không hãm hại lẫn nhau, không bao giờ là người gây nên sự khổ, sợ hãi, hãm hại người để bị khổ khổ thân tâm. Lòng từ bi cho kẻ khác được an vui hạnh phúc, phát đạt đến mọi người, mong mọi thành phần trong xã hội được phát sinh hỷ lạc, yên bình, không phân biệt dù sống ở trước mặt hay sau lưng.

4) Phân chia lợi lộc đồng đều. San sẻ cho nhau nếu mình giàu có đầy đủ y phục, thực phẩm, thuốc men, gia thất. Của cải có được không phải do trộm cắp, lường gạt kẻ khác, nên chia đến những người cùng chung sống với nhau tiêu dùng, hầu có được sự yên vui hạnh phúc, tránh khỏi sự khốn khó, vì nổi thiếu thốn, ban tặng bằng sự thể hiện tâm tình trợ giúp nhau, để có sự an vui phần khởi, vượt qua cơn khủng hoảng khó khăn trước mắt và lâu dài.

5) Giữ giới hạnh trong sạch để bảo toàn đức hạnh. Sự thực hành thân khẩu được hoàn hảo nghiêm trang, vượt khỏi bợn nhơ, nghĩa là không giết hại sinh mạng cầm thú, hủy diệt nguồn sống con người. Sự đánh đập hành hạ chúng sanh, loài cầm thú, con

người, tránh xa những điều tà dâm, đó là nguyên nhân khiến cho con người lâm vào sự khốn đốn, không được thơ thới yên bình. Điều tránh xa nói dối với kẻ khác, xa lánh rượu chè say sưa và các chất nghiện ngập, đó là nguyên nhân khiến cho con người bất loạn tâm tính cuồng dại, loạn đẳng, dám làm những việc xấu xa đồi bại v.v... là nguyên cơ vi phạm những điều luật khác. Đặc biệt, là Phật tử phải giữ gìn bát quan trai hay thập giới được trong sạch chín chắn đồng dạng như nhau không nên dễ dãi để bị lũng đoạn nham nhỡ, thể hiện tâm tính tập trung tư tưởng tự kiểm soát gắt gao cả nơi công cộng lẫn ở những nơi vắng vẻ. Tư cách như vậy là hành động có thể xoá được sự va chạm, buồn phiền không để phát sanh trong tập thể.

6) Đồng quan niệm, có sự nhận thức đúng, hợp theo lẽ đạo, gọi là chánh kiến (Sammāditthi). Với am hiểu rằng, những sự sinh tồn dù có sự sống (upādinakasaṃkhāra) hay sự sống không hiện hữu (anupādinakasaṃkhāra). Mặt dù diện mạo dị biệt nhau như thế nào đi nữa, cũng có sự thể hiện trùng khớp, vì cả ba tướng đều tương đồng: Ānīcatā trạng thái là vô thường, dukkhatā trạng thái là khổ não, anattatā trạng thái vô ngã. Đồng thời có sự hiểu biết rất sâu sắc. Tức là sự hiểu rõ rằng, đây là nguyên nhân phát sanh khổ, đó là sự dập tắt khổ, đó là con đường thực hành để dập tắt sự khổ. Do đó hiểu đúng hăng làm cho những người cùng sống chung có sự

thương mến tin tưởng lẫn nhau, không ganh ghét, chỉ có sự đồng tâm hiệp lực.

Chư quý thiện nam tín nữ cầu nguyện sự an vui phát đạt phải siêng năng học tập Pháp Sārāṇiya và vun bồi được phát triển trong tâm thường xuyên, một khi trong tâm có pháp Sārāṇiya sự đoàn kết đồng lòng với nhau, sự thương yêu lo lắng cho nhau, sự thông cảm cho nhau cũng đồng thời phát sanh. Chư Phật tử cũng chỉ gặp gỡ với sự yên bình thịnh lợi, vừa với công sức, được thực hiện 6 Pháp căn bản, có ý nghĩa như đã trình bày.

Trong thâm sâu của giáo lý, Đức Phật đã giáo huấn đến chúng sinh về mọi khía cạnh cuộc đời, từ cách sống cho bản thân, cho xã hội, gia đình, tập thể, đều có cuộc sống tốt đẹp, như những yếu tố thân, khẩu, ý, chủ yếu cho sự công bằng, giới đức và trí tuệ, ý niệm hoà đồng như 6 pháp trên. Đối với cầm thú thì con người phải có lòng từ bi thương xót không hành hạ, giết hại chúng. Đối với người thân, những đồng bào đồng chủng, người có pháp Sārāṇiya cũng có tâm từ bi thương yêu cứu giúp lẫn nhau. Tùy trường hợp, tùy khả năng đền đáp, công ơn thầy tổ, nâng đỡ tinh thần vật chất. Cần có sự giao hòa với mọi người, hướng mọi người thực hiện lòng từ bi bác ái, có sự hoà thuận, hiểu rõ hơn mọi sự việc mang tính đạo đức, xây dựng mọi người có nền tảng giới hạnh, sống theo con đường bát chánh đạo. Có tư

duy chơn chính, tu giới, định, tuệ. Nhờ có chánh kiến, ta sẽ có nhận định đúng theo chánh pháp và dẫn dắt mọi người tu hành chín chắn. Ta tu theo Phật Thích Ca sao lại thờ Thần Tài, Thổ địa. Cầu nguyện tiên thánh cứu độ, tin tưởng thần linh, và thờ đa thần giáo, mong được hộ trì và xóa bỏ lỗi lầm để được siêu sinh tịnh độ. Trái lại tu theo Phật Thích Ca ta phải thực hành giới định tuệ, thành tựu chánh trí giải thoát, đó là mục tiêu của người Phật tử chơn chánh. ●



Giữa khu rừng rậm mênh mông của những kiếp sinh tồn trong vòng luân hồi, giữa cảnh đôn đáo chạy tới chạy lui để tìm con đường thoát ra khỏi những hiểm nguy rừng rợn của khu rừng ấy, Đức Phật đã gia công trong hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn, hàng triệu, nhiều triệu kiếp sống để vạch ra con đường. Và trong kiếp cuối cùng, khi đã đến mức tận cùng của Con Đường, chứng ngộ Đạo Quả Vô Thượng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Chánh Biến Tri, Ngài không quản ngại gian lao, đi từ làng này đến làng khác, từ tỉnh nọ đến tỉnh kia, đi trên những con đường lớn và các nẻo nhỏ, cùng khắp miền Bắc xứ Ấn Độ, để truyền bá bức thông điệp từ bi và trí tuệ, đem sự an lành đến toàn thể chúng sanh.

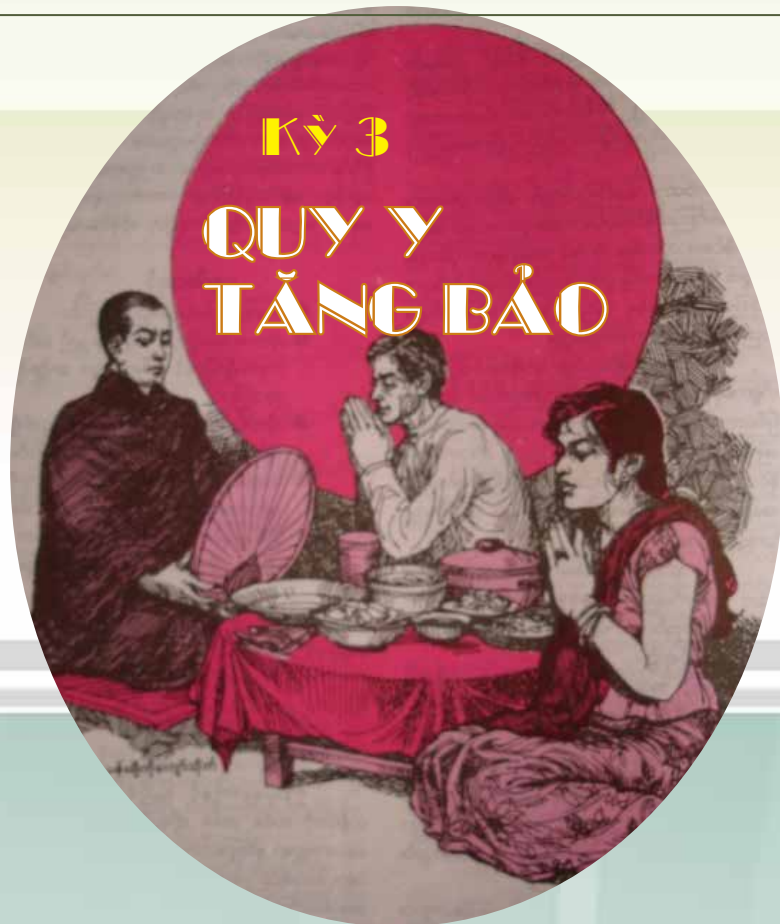
Trong những năm đầu tiên sau khi thành đạo, Ngài gởi sáu mươi vị đệ tử A La Hán đi hoằng Pháp với những lời nhắn nhủ như sau:

"... Hãy ra đi, các tỳ khưu, đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem hạnh phúc lại cho nhiều người. Vì lòng từ bi, hãy đem lại sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc cho chư Thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngã. Nay hỡi các tỳ khưu, hãy hoằng dương giáo Pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối cùng, toàn hảo ở cả hai, tinh thần và văn tự. Hãy công bố đời sống thiêng liêng cao thượng, vừa toàn thiện vừa thanh tịnh".

"Có những chúng sanh vướng ít nhiều cát bụi trong mắt và nếu không nghe được giáo Pháp ắt sẽ sa đọa. Cũng sẽ có người am hiểu..."

"Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí. Hãy truyền dạy giáo Pháp cao siêu. Hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác..." (Mahavagga, Trang 19, 20).

Như vậy, chức vụ căn bản của chư vị A La Hán, những người đã thành tựu mục tiêu giải thoát, là nâng đỡ đời sống đạo đức của người



Phạm Kim Khánh

khác bằng cách nêu gương lành trong sạch và truyền dạy giáo Pháp.

Đức Bổn Sư là người khám phá và soi sáng Con Đường. Giáo Pháp, những lời dạy của Ngài, là Con Đường. Con đường vẫn còn đó, nhưng nếu không có người đi, lâu ngày chồi cây sẽ mọc lên trở lại và sẽ lấp mất. Lại nữa, tuy có con đường nhưng nếu không có ai chỉ dẫn, ắt chúng ta sẽ lạc nẻo. Chư tăng là những vị đã noi theo bước chân của Đức Bổn Sư đi trên con đường và đứng theo tôn chỉ tự giác, giác tha của Phật giáo các Ngài sẵn sàng và hoan hỷ dẫn dắt những ai vui lòng theo chân mình.

Câu kinh đọc tụng để tán dương Tăng bảo có ý nghĩa như sau:

"Giáo hội chư thánh văn đệ tử của Đức Thế Tôn có phẩm hạnh toàn hảo, có phẩm hạnh chân chính, có phẩm hạnh của bậc trí tuệ, có phẩm hạnh của bậc đã hoàn tất nhiệm vụ.

Giáo hội chư thỉnh văn đệ tử của Đức Thế Tôn -- nếu tính đôi thì có bốn và nếu tính riêng rẽ thì có tám -- là những vị xứng đáng thọ lãnh lễ vật, xứng đáng thọ lãnh sự tiếp đãi nồng hậu, xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường, xứng đáng thọ lãnh lễ bái, là phúc điền vô thượng trên thế gian".

1) Giáo Hội Chư Thỉnh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Toàn Hào (Supatipanno bhagavato savakasangho).

"Savaka" là người nghe, những vị chăm chú lắng nghe lời chỉ dạy của Đức Bổn Sư, là những vị Thỉnh Văn đệ tử của Ngài. "Sangho", âm là Tăng già, là đoàn thể một nhóm đông người đồng chí hướng, hợp lại sống chung trong một hệ thống kỷ cương. Ở đây là những vị tự nguyện đặt mình dưới sự hướng dẫn của Đức Phật, tự nguyện khép mình vào khuôn khổ đức hạnh của giới luật và ngồi chung lại dưới chân Đức Thế Tôn (bhagava), chăm chú nghe (savaka) giáo Pháp. Do đó, savaka sangho là Giáo hội chư Thỉnh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn.

Các vị này có phẩm hạnh toàn hảo (supatipanno, đi vào con đường toàn hảo) vì các ngài đi vào con đường chân chánh, con đường thẳng tiến không trở đi trở lại, con đường thích ứng với chân lý, con đường hợp với giáo Pháp mà Đức Thế Tôn đã giảng dạy một cách toàn hảo.

2) Giáo Hội Chư Thỉnh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Chân Chánh (Ujupatipanno bhagavato savakasangho).

Vì các Ngài đi vào con đường ngay thẳng, không quanh co, không xiên vẹo, con đường chánh đáng, đúng thật là con đường.

Con đường của các Ngài là ngay thẳng vì đi ở khoảng giữa (trung đạo), lánh xa hai cực đoạn lợi dưỡng và khổ hạnh, lánh xa những quanh co xiên vẹo của thân, khẩu, ý. Con đường ấy là chánh đáng vì đó là con đường của chư vị A La Hán. Đó đúng thật là con đường vì đường ấy dẫn đến giải thoát, niết bàn.

3) Giáo Hội Chư Thỉnh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Của Bậc Trí Tuệ (Nayapatipanno bhagavato

savakasangho).

Vì các Ngài tận lực đi suốt ba giai đoạn Giới, Định, Tuệ của con đường.

4) Giáo Hội ... Nếu Tính Đôi thì Có Bốn Và Nếu Tính Riêng Rẽ Thì Có Tám (Yadidam cattari purisa yugani atthapuri-sapuggala esa bhagavato savakasangho).

Có bốn đạo: Tu đà hườn đạo, Tư đà hàm đạo, A na hàm đạo và A la hán đạo và có bốn quả: Tu đà hườn quả, Tư đà hàm quả, A na hàm quả và A la hán quả.

Nếu tính đôi: Tu đà hườn đạo và quả, Tư đà hàm đạo và quả, A na hàm đạo và quả, A la hán đạo và quả thì có bốn đôi.

Bây giờ, nếu tính riêng rẽ: Tu đà hườn đạo, Tu đà hườn quả, Tư đà hàm đạo, Tư đà hàm quả, A na hàm đạo, A na hàm quả, A la hán đạo, A la hán quả thì có tám.

5) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Lễ Vật (Ahuneyyo).

Những lễ vật được đề cập ở đây là bốn vật dụng cần thiết trong đời sống: vật thực, y phục, thuốc men và chỗ ở. Chư Tăng là những vị giới đức trong sạch, xứng đáng thọ lãnh những lễ vật mà người dâng có thể đi từ phương xa đến hoặc đã dày công tạo nên, và dâng cúng một cách thành kính.

6) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Sự Tiếp Đãi Nồng Hậu (Pahuneyyo).

Sự tiếp đãi nồng hậu mà người thí chủ thường dành để đón mừng những khách quý hay thân bằng quyến thuộc từ những nơi xa xôi đến,



chư Tăng là những vị xứng đáng thọ lãnh sự tiếp đón nồng hậu ấy.

Được sanh làm người là hy hữu. Được sanh làm người trong thời kỳ có giáo Pháp của một vị Phật đang lưu truyền lại càng hy hữu hơn nữa. Vậy, được sanh làm người trong thời kỳ có giáo Pháp lưu truyền, lại còn được cung thỉnh đón mừng những vị "Như Lai sứ giả" thì quả thật là cơ hội ngàn vàng. Chư Tăng những hội viên của Giáo hội chư Thinh văn đệ tử mà nếu tính đối v.v..., tức hội viên của Giáo hội chư Thánh Tăng là những vị xứng đáng thọ nhận sự tiếp đãi nồng hậu ấy.

7) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Những Lễ Vật Cúng Dường (Dakkhineyyo).

Trong ý nghĩa là các Ngài giúp cho các lễ vật cúng dường ấy trở nên trong sạch và có khả năng tạo nhiều quả phúc.

8) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Lễ Bái (Anjalikaraniyo).

Vì các Ngài có nhiều đức hạnh thanh cao trong sạch.

9) Giáo Hội ... Là Phúc Điền Vô Thượng Trên Thế Gian (Anuttaram punnakkhentam lokassa'ti).

Là ruộng phước đệ nhất phì nhiêu trong thiên hạ.

Con đường, tức giáo Pháp, đã được Đức Thế Tôn khám phá và rọi sáng. Chư Tăng là những vị có niềm tin nơi Đức Phật, chăm chú lắng nghe lời Phật giảng dạy và noi theo con đường. Từ ngày ấy, nhiều vị đã thành công rực rỡ, chứng đắc Đạo Quả Cao Thượng. Những vị khác những vị còn là phàm Tăng nhưng là hội viên của Giáo hội của chư Thánh Tăng tuy chưa đến tuyệt đỉnh vinh quang nhưng các Ngài đang tận lực tiến bước. ●



I. Khái niệm tổng quát

Các nhà y học từ cổ xưa đến nay đều rất coi trọng phương pháp này. Trong sách "Nội Kinh" có những lý luận về "Ngũ sắc sinh", "Ngũ sắc bệnh", "Ngũ sắc tử". Trong sách "Kim quỹ yếu lược" đã đề cập đến sắc mặt tửu đản (mặt xanh, mặt đen); sắc mặt hoàn đản (mặt và mắt toàn màu vàng ệch). 48 điểm nguyên văn trong "Thương Hàn Luận" đều bàn về sắc mặt. Trong sách "Vọng chẩn tuân kinh", đề cập nhiều đến phương pháp chẩn đoán bệnh qua sắc mặt như "Ngũ sắc phản ứng với ngũ tạng", "Tương ứng với ngũ sắc", "Bệnh chính qua ngũ sắc", "Bệnh chính của sắc mặt" v.v...

Trong chẩn đoán học của Tây y, sắc mặt cũng chiếm một địa vị nhất định như trong bệnh hẹp van hai lá (Heart disease); bệnh lao (Tuberculosis); bệnh xơ gan (Cirrhosis); bệnh mất ngủ (Insomnia)v.v...

II. Nguyên lý của chẩn đoán

Mặt là sự thể hiện bên ngoài của tạng phủ và khí huyết và đồng thời là chỗ hội tụ của kinh mạch trong cơ thể.

- Sách "Linh Khu" thiên "Tà khí tạng phủ bệnh hình" có nói 12 kinh mạch và 365 lạc, tất cả khí huyết của chúng đều đưa lên mặt và ra các khiếu.

- Sách "Tổ vấn" trong ngũ tạng sinh thành có viết "Tâm chi hợp mạch giả, ký vinh sắc giả" ý nói kinh tâm có quan hệ rất lớn đến sắc trạch của mặt cũng như kinh Túc Dương Minh vị vậy.

- Trên mặt có nhiều kinh mạch, mà da mặt lại mỏng nên sự thịnh suy của khí huyết, tinh, tân dịch của tạng phủ cùng sự nhiễu loạn của tà khí đối với cơ thể con người đều được thể hiện rõ trên mặt.

III. Phương pháp khám kiểm tra

Khi lâm chứng ta cần chú ý nhìn sắc trạch của người bệnh như "xanh, đỏ, vàng, trắng, đen". Thế nào là sắc tốt? và thế nào là sắc bệnh?

Sắc tươi nhuận? Hay hôn ám?. Do vậy người thầy thuốc cần phải nắm vững "Vị trí bộ vị của tạng phủ ở trên mặt" mới có thể đưa ra phán đoán chính xác được bệnh tật.

IV. Ngũ sắc bệnh trên mặt

1. Sắc xanh: Ứng với gan là bản sắc của kinh Túc quyết âm Can chủ về hàn chứng, đau nhức cố định, khí trệ, huyết ứ, kinh phong.

* Nguyên nhân của sắc xanh:

- Do vận hành khí huyết không thông thoát,

Phương pháp chẩn đoán ngũ sắc bệnh trên mặt

Lương y Lê Khắc Chiêu

*Nguyên Trưởng phòng khám bệnh
Nhân Đạo chùa Linh Quang Q.4*

kinh mạch ứ trệ gây ra

- Do dưỡng khí không đủ nên khí huyết vận hành chậm chạp

- Can âm suy kém và công năng sinh lý của gan bị suy giảm

- Can hư hàn (sắc mặt xanh đen)

- Can thực phong (đề cáu gắt, đau hông sườn)

- Can hỏa vọng (mặt xanh, mắt đỏ)

- Âm hàn, nội nhiệt (đau tức vùng ngực bụng)

- Bệnh ở tỳ gây chứng đàm

2. Sắc đỏ: Ứng với tâm, bản sắc của Thủ thiếu âm tâm kinh, chủ nhiệt chứng. Đỏ sẫm là thực nhiệt, đỏ vừa là hư nhiệt. Bệnh thuộc thể nhiệt.

* Nguyên nhân của sắc đỏ:

- Do can dương vượng vì âm hư (do hành thiên thổ không đúng quy cách, điều khí dịch chuyển lệch ở 2 mạch Nhâm và mạch Đốc)

- Chứng âm thịnh, cách dương (hai má ửng đỏ, mồ hôi chân tay lạnh)

- Chứng đới dương (âm ở dưới suy lao nên dương khí dềnh lên)

- Hư dương phù nhiệt (chứng thực hàn giả nhiệt).

3. Sắc vàng: Ứng với tỳ, bản sắc của Kinh Túc thái âm tỳ, chủ hư chứng, thấp chứng, chức năng vận hóa của tỳ bị đình trệ, thủy thấp, uất kết ở tỳ vị, dịch mật ứ tích ở gan mật, tỳ vị khí hư nhược, thấp tà bên trong gây nên chứng hoàn đản, chứng âm hoàn hoặc dương hoàn, cấp hoàn hay ôn hoàn.

* Nguyên nhân của sắc vàng:

- Do chức năng vận hóa của tỳ vị bị rối loạn

- Do thủy thấp

- Do dịch mật ứ tích ở gan mật

- Do nhiễm phải dịch độc

- Do Tỳ vị khí hư nhược

- Các chứng hoàn đản do tỳ, vị, gan, mật bị thấp tà ách tắc

- Do huyết ứ lâu ngày

- Do tỳ dương hư suy, ứ trệ lâu ngày gây ra.

4. Sắc trắng: Ứng với phổi, bản sắc của thủ thái âm phế kinh, chủ hư chứng, hàn chứng thoát huyết, đoàn khí biểu hiện của máu không đủ.

* Nguyên nhân của sắc trắng:

- Do khí huyết lưỡng hư, dương khí hư suy

- Do mất máu, hao khí (bạo thổ, bạo hạ)

- Do dương khí bạo thoát

- Do ngoại hàn tà tấn công nên kinh mạch thu dẫn (co duỗi)

- Chứng thực nhiệt mà giả hàn.

5. Sắc đen: Tương ứng với thận, bản sắc của túc Thiếu âm thận kinh, chủ thận hư, chủ hàn chứng, hư lao

* Nguyên nhân của sắc đen:

- Do dương hư, thủy ẩm bất hóa nên kết lại thành đờm

- Do tinh dịch hao tổn

- Do âm hàn nội thịnh, huyết mất ôn dưỡng

- Do âm hỏa nội thương

- Do huyết ứ, ngưng ở trong lâu ngày

- Do bị chứng huyết trắng dai dẳng không dứt (ở phụ nữ).

V. Kết luận

Vọng chẩn là một trong những phép chẩn đoán tuyệt vời của Đông y, được hình thành, được tích lũy kinh nghiệm và được vận dụng từ hàng ngàn năm nay. Đông y càng cổ càng tinh "Thiết nghĩ thầy thuốc YHCT cần phải xem đó là thể mạnh của Đông y nói chung và của mình nói riêng trên lâm sàng chẩn đoán bệnh trước khi thiết chẩn, nhằm tránh những sai sót đáng tiếc, và nhanh chóng định vị được bệnh. Sách có câu "Bậc Thượng công trị vị bệnh (bệnh còn tiềm ẩn), còn hạ công thì trị dĩ bệnh (khi bệnh đã hiện ra) lời nói của tiền nhân chẳng phải để cho ta suy ngẫm lắm ư? ●

Kỳ 3

Đại Hội Kết Tập Kinh Điển Lần Thứ Ba



Chân dung vua Asoka

Bhikkhu Suvijjo

Nguyên nhân

A Theo nhiều tài liệu, nhất là tài liệu Mahavamsa (Đại sử), trong triều đại vua Asoka, Phật giáo được xem là quốc đạo, chư Tăng được nhiều sự ưu ái, các tu sĩ ngoại đạo cũng thừa lúc này xuất gia theo đạo Phật rất nhiều. Thế nhưng tổ chức tăng đoàn chưa chặt chẽ, nội bộ chư Tăng không đoàn kết, thường bất hòa, không tin tưởng nhau. Về mặt giới luật có phần lỏng lẻo, có nơi thậm chí trong bảy năm trời chư Tăng chưa hề họp mặt nhau một lần để làm lễ Bố tát (Uposattha). Chuyện này thấu đến tai vua, vua cử một vị đại thần đến nhắc nhở chư Tăng nhưng chư Tăng vẫn không vâng lệnh vua. Cho nên vị đại thần rất tức giận, ra lệnh sát hại nhiều tăng sĩ. Ngài Moggalliputta Tissa thấy vậy liền trực tiếp ngăn cản. Vị đại thần không dám giết Ngài và quay về báo cáo nhà vua. Vua nghe tin, rất lo sợ vì cho rằng mình đã tạo một trọng nghiệp, nhúng tay vào vụ thảm sát chư Tăng.

Nhà vua rất hoang mang về chuyện xảy ra trong hàng ngũ Tăng già và Ngài đem chuyện này hỏi các vị cao Tăng, nhưng mỗi người giải thích theo một cách, tất cả những vị này đều không đáp ứng thỏa mãn của nhà vua. Cuối cùng, đức vua tìm đến Ngài Thánh Tăng Moggalliputta Tissa. Vị này giải thích cho vua hiểu: "Này đại vương nếu chuyện đó Ngài không cố ý ra lệnh thì Ngài không có quả

báo ác, còn như Ngài cố ý ra lệnh thì Ngài sẽ chịu quả báo ác. Vì Đức Phật có dạy: Nghiệp là sự cố ý, chỉ có cố ý mới tạo nghiệp". Lời khuyên của Thánh Tăng Tissa có phần làm cho vua Asoka bớt lo âu về luật nhân quả. Nhân cơ hội này, Ngài giải thích cho vua hiểu thế nào là chánh pháp của Đức Phật, thế nào là phi pháp luật, đồng thời Trưởng lão cũng giải thích những hoài nghi của nhà vua về chánh pháp. Đức vua rất hoan hỷ về lời dạy của Trưởng lão, và nhà vua hứa sẽ hỗ trợ Ngài chinh đốn hàng ngũ Tăng già. Công việc này rất nhiều khê, không thể dùng tăng lệnh mà phải dùng cả vương lệnh nữa. Ngoại đạo lúc này tu theo Phật giáo rất nhiều, họ có dụng ý thành lập một bộ phái mới chủ trương giới luật và tri kiến hoàn toàn khác biệt với tinh thần của đạo Phật. Chư Thánh Tăng biết được ý đồ của bọn ngoại đạo trà trộn vào Phật giáo nên chư vị kết hợp với nhà vua Asoka thanh lọc hàng ngũ Tăng già. Qua sự trải nghiệm của chư vị Thánh Tăng, nếu vị nào không phải là tu sĩ Phật giáo thật sự thì bị trục xuất ra khỏi giáo hội, và được cấp phát quần áo để trở lại đời sống thường dân. Theo tài liệu Mahavamsa và Samantapāsādikā, trong cuộc thanh lọc này có khoảng 60.000 tu sĩ giả danh bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.

Sau khi thanh lọc giáo hội xong, vua hứa với vị Thánh Tăng rằng nếu sau này có nhu cầu chi liên quan đến Phật pháp thì Ngài sẽ ủng hộ hết mình. Nhân lời tác ý của nhà vua,

Trưởng lão Moggalliputta-Tissa đề nghị nhà vua yểm trợ chư Tăng để kết tập Phật ngôn. Nhà vua hoan hỷ nhận lời.

B Niên đại, địa điểm, vị chủ tọa và người bảo trợ

Niên đại kết tập nếu tính theo Phật lịch thì có nơi nói là năm 218, có nơi nói là 234. Lại có tài liệu khác nói là vào năm 287. Có lẽ tài liệu này nói đúng vì dựa vào thời gian trị quốc của các vị vua.

Chư Thánh Tăng chọn ngôi chùa Asokārāma ở kinh thành Pāṭaliputta phía nam hoàng cung của nhà vua làm địa điểm kết tập kinh điển lần thứ ba.

Ngài Thánh Tăng Moggalliputta Tissa được chư Tăng thỉnh cử làm vị chủ tọa kết tập Phật ngôn kỳ này.

Ngài Moggalliputta Tissa chọn 1000 vị kết tập Phật ngôn. Thời gian kéo dài 9 tháng. Các chi phí trong cuộc kết tập được vua Asoka hoàn toàn tài trợ cho chư Tăng.

C Phương pháp kết tập

Theo các vị Thánh Tăng ghi lại thì Trưởng lão Moggalliputta Tissa xuất thân là một vị Phạm Thiên do hai vị Thánh Tăng Siggava và Candavajji thỉnh cầu xuống cõi nhân loại để chấn hưng Phật giáo. Vì hai vị Thánh Tăng này không có mặt

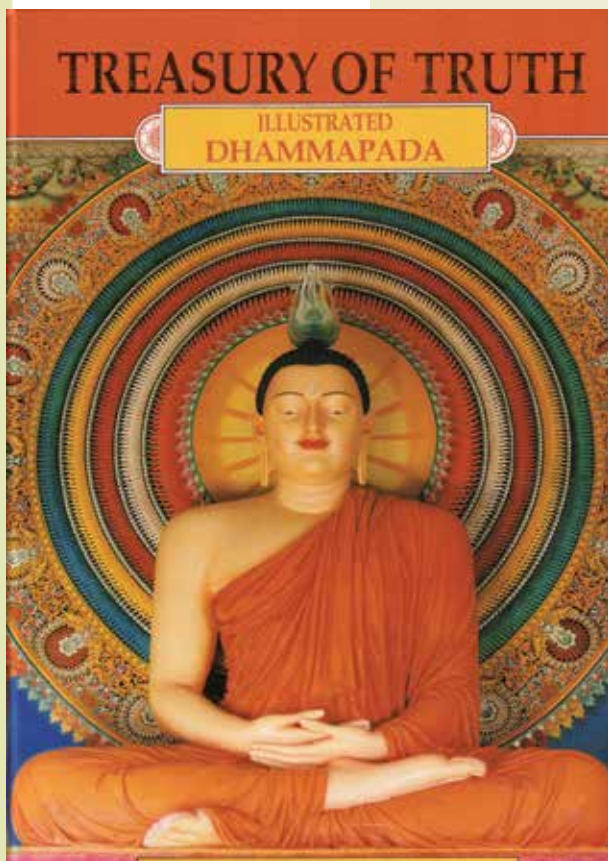


trong kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất nên chư Tăng giao nhiệm vụ trên cho nhị vị. Ngài Tissa giáng sinh xuống cõi nhân loại được 7 tuổi thì Trưởng lão Giggava tể độ cho xuất gia sa di và dạy Phật pháp căn bản. Lúc hai mươi tuổi, Ngài Candavajji cho thọ cụ túc giới và dạy Tissa những giáo lý cao siêu. Không bao lâu Ngài am tường Tam tạng và đặc quả A la hán, với tuệ phân tích. Khi ngoại đạo lộng hành trong Phật giáo, Tăng già bất hòa nhau vì những vị chơn chánh không chịu làm lễ Bô tát với những tu sĩ ngoại đạo, vua Asoka phái nhiều phái đoàn thỉnh cầu Ngài ở núi Adhoganga ra chấn hưng Phật giáo và làm chủ tọa kỳ kết tập kinh điển lần thứ ba.

Cách thức kết tập kinh điển kỳ này cũng giống như hai kỳ trước nhưng có một vài điểm khác nhau. Ngài chủ tọa cuộc kết tập nêu ra những quan điểm và tri kiến sai lầm của các bộ phái qua ba trăm vấn đề về giáo lý. Ngài dựa vào bộ phái gốc Theravāda để bác bỏ các luận cứ sai lạc đó, và cho kết tập vào bộ Kathāvatthu của tạng Vi Diệu Pháp Abhidhamma.

Điều chúng ta nên lưu ý ở đây là trong hai kỳ kết tập Tam tạng đầu, chư vị A la hán chỉ ghi bằng ký ức và truyền miệng thôi, nhưng có giả thuyết cho rằng trong lần kết tập kỳ này, Tam tạng bắt đầu ghi chép bằng văn tự Pāli (theo W. Rahula, History of Buddhism in Ceylon). Tuy nhiên, giả thuyết này chưa được đa số các nhà Phật học chấp nhận. ●





Giới thiệu KINH PHÁP CÚ

Long Hồ

của Đức Phật hay Phật ngôn; Pāda bao hàm ý nghĩa tiết mục, đoạn, phần, hay đường lối; vậy dhammapāda có thể được hiểu là “những đoạn, hay những phần của giáo pháp, đường lối của giáo pháp.

Hòa Thượng Narada người Tích Lan có nói: Kinh Pháp cú không phải là sách để đọc thoáng qua như tiểu thuyết hoặc sách giải trí đọc rồi để qua một bên. Phải đọc đi, đọc lại nhiều lần và chúng ta xem nó như là người bạn tri âm, tri kỷ, luôn hiện diện bên chúng ta như dòng suối từ ái, hạnh phúc và chan hoà trong tình thương của con người. Kinh Pháp cú là một bộ kinh được dịch ra rất nhiều ngôn ngữ trên thế giới, vì mỗi câu Phật ngôn là một bài học luân lý, một câu châm ngôn không thể thiếu trong đời sống của người Phật tử.

Ngôn từ Đức Phật sử dụng trong kinh Pháp cú rất đa dạng. Chỉ cần đọc một bộ kinh Pháp cú, chúng ta thấy được một khung trời hoằng pháp của Đức Phật ngày xưa.

2. NHỮNG ẨN DỤ

Những biểu tượng ví dụ, những câu chuyện ngụ ngôn, Đức Phật sử dụng rất giản dị, người lớn hoặc em bé đều hiểu được. Như *Bánh xe lăn theo dấu chân con bò kéo xe, Bóng theo người, Mái nhà khéo lợp, Một làng đang say ngủ, Ao hồ sâu thẳm và trong veo, Hoa có hương thơm, Ong hút mật v.v...* Trí tuệ của Đức Phật quả thật là tuyệt vời trình bày chân lý cao thâm với những danh từ thông thường, dễ hiểu, không rườm rà

Tôi đã giữ mãi trong tâm hồn của tôi hình ảnh Đức Phật Thích Ca, Ngài đã dẫn sanh vào rằm tháng tư, đầu mùa hạ năm 624 trước Tây lịch. 29 năm sống trong nhung lụa ngai vàng, vợ đẹp, con ngoan; 6 năm khổ hạnh chốn rừng già Uruvela; 35 tuổi thành đạo dưới cội cây Bồ đề tại Ấn Độ cổ đại; 45 năm hoằng dương chánh pháp từ thành thị đến thôn quê, từ bãi cát nóng đến dòng sông lạnh, nơi nào cũng có dấu chân của Ngài; 80 tuổi đời, nghìn thu vĩnh biệt trần gian, nhập vào cõi vô dư Níp bàn để lại cho Chư thiên và Nhân loại một bài học tinh thần vô giá, một kho tàng giáo lý tuyệt diệu.

1. KHÁI QUÁT

Kinh Pháp Cú (Dhammapāda) gồm có 26 chương, 423 câu kệ êm dịu mà Đức Phật Thích Ca thuyết giảng trong 300 trường hợp khác nhau trong suốt 45 năm hoằng pháp độ sinh. Bản chú giải của Ngài Buddhaghosa đã tường thuật lại khá đầy đủ những trường hợp đó dưới hình thức câu chuyện kể với lối giải thích cổ truyền văn học Pāli mà chúng ta cần phải quan tâm và nghiên cứu.

Danh từ Dhammapāda rất khó dịch sang ngôn ngữ khác, bởi vì nó có rất nhiều ý nghĩa khác nhau, nhưng chúng ta phải hiểu theo ngữ cảnh, ở đây chữ dhammpāda - dhamma là lời dạy

phức tạp.

3. TẦM QUAN TRỌNG

Kinh Pháp cú là một bộ kinh không thể thiếu đối với những vị giảng sư và pháp sư trong Phật giáo, vì mỗi câu phật ngôn là một đề tài thuyết giảng rất hay cho phật tử, vừa thực tế, vừa sống động, dễ nhớ và dễ hiểu.

Những nước Phật giáo Nguyên thủy Nam tông như Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan, Lào, Campuchia v.v... những người mới nhập môn xuất gia đều bắt phải học thuộc lòng 423 câu kinh Pháp cú. Truyền thống đó ngày nay vẫn còn duy trì và gìn giữ.

4. NHỮNG BẢN DỊCH KINH PHÁP CÚ

Ở Việt Nam có rất nhiều người dịch kinh Pháp cú: Hoà Thượng Minh Châu, Hoà thượng Thiện Siêu, Hoà thượng Pháp Minh, sư cô Trí Hải, cư sĩ Tịnh Minh, cư sĩ Phạm Kim Khánh v.v... Đặc biệt nhất là Hoà thượng Pháp Minh đã dịch trọn bộ chú giải kinh Pháp cú mà còn tóm tắt các tích chuyện với dạng bài thơ cần đề giúp cho đọc giả hiểu tường tận kinh Pháp cú. Về Phần thi hoá kinh Pháp cú dưới hình thức kệ, văn xuôi, thơ lục bát, chúng ta thấy có: Thượng tọa Giới Đức, Thượng tọa Hộ Chơn, Đại đức Tâm Cao v.v...

5. NỘI DUNG KINH PHÁP CÚ

Đây là một bộ kinh rất quý giá, nội dung tư tưởng hay, có tính giáo dục cao, người lớn tuổi hay nhỏ tuổi đọc cảm thấy chuyển hóa cao. Có tổng cộng 423 câu kệ, 26 phẩm. 26 phẩm gồm có:

1. Phẩm Song yếu - Yamakavagga: có 20 câu kệ và 14 tích chuyện
2. Phẩm Chuyên niệm - Appamadavagga: có 12 câu kệ và 9 tích chuyện
3. Phẩm Tâm - Cittavagga: có 11 câu kệ và 8 tích chuyện
4. Phẩm hoa - Pupphavagga: có 16 câu kệ và 12 tích chuyện
5. Phẩm Cuồng đại - Balavagga: có 16 câu kệ và 13 tích chuyện
6. Phẩm Thiện trí - Panditavagga: có 14 câu kệ và 11 tích chuyện

7. Phẩm La Hán - Arahantavagga: có 10 câu kệ và 10 tích chuyện

8. Phẩm Ngàn - Sahassavagga: có 16 câu kệ và 13 tích chuyện

9. Phẩm Ác - Papavagga: có 13 câu kệ và 12 tích chuyện

10. Phẩm Gậy gộc, Hình phật - Dandavagga: có 17 câu kệ và 10 tích chuyện

11. Phẩm Tuổi già - Jaravagga: có 11 câu kệ và 9 tích chuyện

12. Phẩm Tự ngã - Attavagga: có 10 câu kệ và 10 tích chuyện

13. Phẩm Thế gian - Lokavagga: có 12 câu kệ và 10 tích chuyện

14. Phẩm Phật - Buddhavagga: có 18 câu kệ và 9 tích chuyện

15. Phẩm Hạnh phúc - Sukhavagga: có 12 câu kệ và 8 tích chuyện

16. Phẩm Thân ái - Piyavagga: có 12 câu kệ và 9 tích chuyện

17. Phẩm Sân hận - Kodhavagga: có 14 câu kệ và 7 tích chuyện

18. Phẩm Ô nhiễm - Malavagga: có 21 câu kệ và 11 tích chuyện

19. Phẩm Công bằng - Dhammatthavagga: có 17 câu kệ và 10 tích chuyện

20. Phẩm Con đường - Maggavagga: có 17 câu kệ và 11 tích chuyện

21. Phẩm Tạp lục - Pakinnakavagga: có 16 câu kệ và 9 tích chuyện

22. Phẩm Cảnh khổ - Nirayavagga: có 14 câu kệ và 9 tích chuyện

23. Phẩm Voi - Nagavagga: có 14 câu kệ và 8 tích chuyện

24. Phẩm Ái dục - tanhavagga: có 26 câu kệ và 12 tích chuyện

25. Phẩm Tỳ khưu - Bhikkhuvagga: có 23 câu kệ và 12 tích chuyện

26. Phẩm Bà La Môn - Brahmanavagga: có 41 câu kệ và 39 tích chuyện. ●



Tối hôm đó Sue cãi nhau với mẹ, rồi không mang gì theo, cô đứng đứng ra khỏi nhà. Trong lúc đang lang thang trên đường phố, cô mới nhớ ra rằng mình chẳng có đồng bạc nào trong túi, thậm chí không có đủ mấy xu để gọi điện về nhà.

Cùng lúc đó cô đi qua một quán mì, mùi thơm bốc lên ngào ngạt làm cô chợt cảm thấy đói ngấu. Cô thèm một tô mì lắm nhưng lại không có tiền!

Người bán mì thấy cô đứng tần ngần trước quầy hàng bèn hỏi: "Này cô bé, cô có muốn ăn một tô không?"

"Nhưng... nhưng cháu không mang theo tiền..." cô thẹn thùng trả lời.

"Được rồi, tôi sẽ đãi cô" người bán nói: Vào đây, tôi nấu cho cô một tô mì".

Mấy phút sau ông chủ quán bưng tới cho cô một tô mì bốc khói. Ngồi ăn được mấy miếng, Sue lại bật khóc.

"Có chuyện gì vậy?" ông ta hỏi.

"Không có gì. Tại cháu cảm động quá!" Sue vừa nói vừa lấy tay quệt nước mắt.

"Thậm chí một người không quen ngoài đường còn cho cháu một tô mì, còn mẹ cháu, sau khi cháu cự cãi đã đuổi cháu ra khỏi nhà. Chú là người lạ mà còn tỏ ra quan tâm đến cháu, còn mẹ cháu... bà ác độc quá!" cô bé nói với người bán mì.

Nghe Sue nói, ông chủ quán thở dài: "Này cô bé, sao lại nghĩ như vậy? Hãy suy nghĩ lại đi, tôi mới chỉ đãi cô có một tô mì mà cô đã cảm động như vậy, còn mẹ cô đã nuôi cô từ khi cô còn nhỏ xíu, sao cô lại không biết ơn mà lại còn dăm cãi lời mẹ nữa?"

Sue giật mình ngạc nhiên khi nghe điều đó.

"Tại sao mình lại không nghĩ ra nhỉ? Một tô mì của người lạ mà mình cảm thấy mang ơn, còn mẹ mình đã nuôi mình hàng bao năm qua

Câu

chuyện này tôi nhận được từ một người bạn ở Malaysia gửi qua email. Chuyện cũng bình thường thôi nhưng tôi chợt xúc động vì đã có lúc tôi cư xử giống như cô bé trong truyện. Tôi cũng mong câu chuyện rất thường này được đăng để may ra cô con gái lớn của tôi, người hay bỏ nhà đi sau khi bị tôi mắng, có thể đọc được".

Tô mì của người lạ

Ngọc Bích (phỏng dịch)

mà thậm chí mình chưa bao giờ tỏ ra quan tâm đến mẹ dù chỉ một chút. Mà chỉ vì một chuyện nhỏ mình lại cự cãi với mẹ".

Trên đường về cô thầm nghĩ trong đầu những điều cô sẽ nói với mẹ: "Mẹ ơi, con xin lỗi.

Con biết đó là lỗi của con, xin mẹ tha thứ cho con v.v..."

Khi bước lên thềm cửa, cô thấy mẹ đang mệt mỏi và lo lắng vì đã tìm kiếm cô khắp nơi. Nhìn thấy Sue, mẹ cô nói: "Sue, vào nhà đi con. Chắc con đói bụng lắm rồi phải không? Cơm nước mẹ nấu xong này giờ rồi, vào mà ăn ngay cho nóng."

Không thể kiềm giữ được nữa, Sue òa khóc trong tay mẹ. ●

"Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta dễ cảm kích những hành động nhỏ mà một số người chung quanh làm cho chúng ta, nhưng đối với những người thân thuộc, nhất là cha mẹ, chúng ta lại xem sự hy sinh của họ là sự đương nhiên."

Tình yêu và sự quan tâm lo lắng của cha mẹ là món quà quý giá nhất mà chúng ta được tặng từ khi mới chào đời.

Cha mẹ không bao giờ mong đợi chúng ta trả công nuôi dưỡng, nhưng ...

Liệu có bao giờ chúng ta biết quý trọng sự hy sinh vô điều kiện này của cha mẹ chúng ta không?
(Thanh Vu - San Jose, California)



HT. Đào Như - Ủy viên thư ký HĐTS.GHPGVN, Trưởng ban Trị sự Phật giáo TP. Cần Thơ phát biểu tại hội nghị

PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER Thành viên GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM(*)

HT. Đào Như

Chúng tôi hết sức hoan hỉ được sự quan tâm của Ban Tôn giáo Chính phủ, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tạo điều kiện thuận lợi giúp tổ chức Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer, 2 năm một lần. Năm 2004 tại Sóc Trăng, năm 2006 tại Thành phố Cần Thơ, năm 2008 tại Bạc Liêu, năm nay 2010 tại tỉnh Kiên Giang.

Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer là một trong những chủ đề chính về công tác Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đi sâu nhằm giúp đỡ cho hoạt động của hệ phái Phật giáo Nam tông là người dân tộc Khmer trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Trong ba lần Hội nghị chuyên đề trước, chúng ta đã viết tham luận nói về đặc điểm tình hình, những công tác Phật sự của từng ngành, những đóng góp của quý vị Tôn túc tiền bối trong thời chiến cũng như trong xây dựng đất nước, những lễ hội, lễ nghi, phong tục tập quán của Dân tộc và Phật giáo Nam tông Khmer, những kiến nghị và mong được Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và quý ngành Trung ương và địa phương quan tâm giúp đỡ những việc làm được và chưa được hoặc là những điều còn khiếm khuyết như in ấn kinh sách Phật giáo Nam tông Khmer v.v... quý Ngài đã am tường.

Tại Hội nghị diễn đàn này, với góc độ bản

thân là Ủy viên Thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HĐTS. GHPGVN) tôi xin kiến nghị: Hội nghị chúng ta cần tập trung 7 điểm trong đề dẫn của Hội nghị những kỳ 1, 2, 3 đề ra và có những giải pháp cụ thể cho từng vị Tôn túc được cơ cấu trong từng Ban, Viện của Trung ương (TW) GHPGVN đã chuẩn y.

Cụ thể như:

- Ban Tăng sự TW: Đã chuẩn y Hòa thượng Thạch Sok Xane Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, là Phó ban Tăng sự Trung ương vậy đề nghị Ban Thường trực HĐTS tạo điều kiện giúp Hòa thượng, nghĩa là có ý kiến chỉ đạo đến các tỉnh, thành có chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer để có nhân sự và ra mắt ngành Tăng sự để hoạt động đúng theo nội qui ban Tăng sự Trung ương GHPGVN.

- Ban Giáo dục Tăng Ni TW: Hòa thượng Tăng Nô - Ủy viên HĐTS. GHPGVN là Phó ban, đề nghị có thêm nhân sự để ra mắt và đi sâu vào lĩnh vực giáo dục chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer như: Chương trình giảng dạy Pāli, Dhammavini, từ sơ cấp trung cấp Học viện Phật giáo Nam tông - Khmer.

- Ban Hoằng pháp TW: Hòa thượng Thạch Huôn - Ủy viên HĐTS. GHPGVN là Phó ban, đề nghị có thêm nhân sự để ra mắt và đi sâu vào lĩnh vực hoằng pháp độ sanh, xem xét những vị có trình độ Phật học đủ khả năng hoằng dương Phật pháp trong đồng bào dân tộc Khmer, đề



tọa Danh Lung - Ủy viên, có nhân sự để ra mắt và hoạt động.

Học viện Phật giáo Nam tông Khmer là Học viện thứ 4 của tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Được ra mắt năm 2006 và khai giảng khóa 1 (2007-2011) ra đời đi vào hoạt động năm thứ 4. Chuẩn bị xin mở khóa 2 (2011-2015) để đào tạo Chư tăng Phật giáo

nghey bồi dưỡng ngắn hạn hoặc dài hạn tùy khả năng, sau đó phân công thuyết giảng các lễ hoặc sinh hoạt khóa tu trong hạ các trường giáo lý Phật giáo đã có.

- Ban Văn hóa TW: Thượng tọa Danh Lung
- Phó Trưởng ban, đề nghị có thêm nhân sự để ra mắt đi sâu vào lĩnh vực văn hóa Phật giáo Nam tông Khmer, những chùa có công trong thời kháng chiến, cũng như xây dựng đất nước, quý Ngài là cố Hòa thượng có công, thành tích cống hiến cho tổ quốc, Phật giáo, để đưa vào Danh Tăng Phật giáo Việt Nam, xem xét những kinh sách phục vụ cho dạy và học Phật giáo Nam tông Khmer.

- Ban Hướng dẫn Phật tử TW: Hòa thượng Diệp Tươi, Hòa thượng Châu Ty Phó Trưởng ban, Hòa thượng Lý Sa Muoth Ủy viên.

- Ban Nghi lễ Trung ương: Hòa thượng Thạch Huôn - Phó Trưởng ban, Thượng tọa Thạch Oai, Thượng tọa Châu Sơn Hy là Ủy viên.

- Ban Kinh tế Tài chánh Trung ương: Thượng tọa Châu Sơn Hy, Thượng tọa Thạch Hà là Ủy viên.

- Ban Từ thiện Xã hội Trung ương: Hòa thượng Dương Nhơn - Chứng minh, Thượng tọa Danh Thiệp Phó ban, Thượng tọa Danh Lân Ủy viên.

- Ban Phật giáo Quốc tế: Thượng tọa Danh Lung - Ủy viên, Hòa thượng Danh Dĩnh Ủy viên.

- Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam: Hòa thượng Đào Như - Ủy viên Thư ký HĐTS. GHPGVN Phó Viện trưởng, Thượng

Nam tông Khmer là hạnh phúc lớn (trong 38 điều hạnh phúc Mangalasutta). Đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ Trung ương GHPGVN, và quý Tôn túc Trưởng lão Phật giáo Nam tông chăm sóc nuôi dưỡng.

Những đầu sách đã in vào năm 2008 vừa qua, có nhiều sai sót về kỹ thuật vi tính và chính tả là do trước khi đưa vào máy in chưa được kiểm tra chặt chẽ, chúng tôi nhận thấy là điều đáng tiếc cho kinh phí của Nhà nước đã quan tâm hỗ trợ. Nhà xuất bản Tôn giáo, Văn phòng 2 GHPGVN và chúng tôi có kế hoạch in lại những đầu sách ấy nhưng số lượng giảm hơn trước do kinh phí còn hạn hẹp xin Hội nghị hoan hỉ cho.

Để hoạt động của Phật giáo Nam tông Khmer thông qua Hội nghị chuyên đề kỳ này. Chúng tôi kính mong Ban Tôn giáo Chính phủ, Trung ương GHPGVN, đặc biệt quý Ngài Hòa thượng Tôn túc Trưởng lão và quý Hòa thượng, Thượng tọa là Phật giáo Nam tông nói chung, Phật giáo





Quý quan khách tham dự hội nghị

Nam tông Khmer nói riêng luôn quan tâm trợ duyên và giúp đỡ lẫn nhau trong mối quan hệ hoạt động trong ngành được ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN suy cử xin giúp đỡ cho hoạt động Học viện Phật giáo Nam tông Khmer của chúng ta, giúp đưa ánh sáng Phật giáo đến Chư tăng Phật tử nhất là đồng bào Khmer ở vùng sâu vùng xa, nông thôn, còn nhiều khó khăn giúp tạo thành một khối đoàn kết hoạt động có bài bản trong ngôi nhà chung của GHPGVN.

- Đề nghị Trung ương GHPGVN giúp cho quý Hòa thượng, Thượng tọa là thành viên GHPGVN có cuộc họp trước 1 ngày tại Văn

phòng 2 hoặc tại chùa Chanh-ta-rên-sây để bàn bạc và có 1 bài phát biểu trong hội nghị thường niên GHPGVN hoặc Đại hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc.

- Đề nghị chùa Chanh-ta-rên-sây tạo điều kiện thuận lợi để các tỉnh tập trung lên Hội nghị thường niên có nơi bàn bạc công tác Phật sự Phật giáo Nam tông Khmer và giúp lo nơi ăn, nghỉ v.v...

- Đề nghị chùa Pôthisomrôn (Học viện Phật giáo Nam tông Khmer) tại TP. Cần Thơ lo nơi để quý Ngài Tôn túc phụ trách các ban trao đổi về công tác giáo dục, hoặc công tác nghiên cứu về mảng Phật giáo Nam tông. Sau này Học viện mới xây dựng sẽ đưa vào học viện.

Đây là những ý kiến tôi xin mạo muội kính trình Ban Tôn giáo Chính phủ, Trung ương GHPGVN và Hội nghị hôm nay nghiên cứu giúp đỡ nếu có gì không đúng xin quý Ngài hoan hỉ bỏ qua.

Xin nguyện cầu tam bảo hộ trì đến quý Ngài; xin quý Ngài luôn hưởng được 4 pháp Ayu, Vanna, Sakkha, Pala. ●

() Trích tham luận của HT Đào Như - Ủy viên Thư ký HĐTS đọc tại Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer (tựa đề do BBT đặt).*



Chư Tôn đức tăng cùng quý đại biểu chụp hình lưu niệm



LỄ TƯỞNG NIỆM Hòa thượng Ấn Lâm (Arannavasi)

Tin: PV. PGNT

- Nguyên Tăng Thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam
- Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN
- Trụ trì chùa Kỳ Viên

Sáng ngày mùng 6 tháng 11 năm Canh Dần 2010, tại chùa Kỳ Viên Q.3, Tp. HCM, Thượng tọa Tăng Định (Ủy viên Ban Phật giáo Quốc tế TW, Trụ trì Chùa Kỳ Viên kiêm Trưởng ban tổ chức lễ) cùng môn đồ Pháp quyền long trọng tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 28 ngày cố Hòa thượng Ấn Lâm viên tịch. Sanh thời Hòa thượng là vị cao tăng thạc đức có nhiều đóng góp cho Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Nguyên thủy nói riêng qua những chức vụ như Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Phó pháp chủ HĐCM. GHPGVN, Trụ trì chùa Kỳ Viên.

Đến chứng minh và tham dự lễ có Hòa thượng Thích Thiện Tâm (Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, Phó ban Tăng sự TW, Phó ban Trị sự Thành hội Phật giáo Tp. HCM), Hòa thượng Viên Minh (Trưởng ban Phật giáo Nam tông - Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam) Thượng tọa Bửu Chánh (Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Hoằng pháp TW, Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai), Thượng tọa Thiện Nhân (Ủy viên Ban Hoằng Pháp TW, trụ trì Xá Lợi Phật Đài), Thượng tọa Thiện Pháp (Ủy viên Ban Từ thiện TW, Trụ trì chùa Thiền Quang, Long thành, Đồng Nai) v.v... đại diện hơn 50 vị Trụ trì các chùa Phật giáo Nam Tông và hơn 250 Phật tử cùng tham dự. ●

*“Lời nói được thận trọng
Tâm tư khéo hộ phòng
Thân chớ làm điều ác
Kỷ giữ ba nghiệp lành
Chứng đạo Thánh nhân dạy”*

Pháp cú 281 HT. Thích Minh Châu (dịch)

THIỀN VIỆN NGUYỄN THỦY

Tổ chức các khóa thiền Vipassanā

Thiền Viện Nguyễn Thủy do Thượng tọa Pháp Chất trụ trì, tọa lạc số 33 A, đường 10, Khu phố 1, phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM. ĐT: 08. 3742 0214, DD: 0902 533 086 0932 445 530 đã tổ chức khóa thiền Vipassanā Quốc tế "Tứ niệm xứ - Pa Auk" 3 tháng do thiền sư Tejinda và thiền sư Nanavamsa, quốc tịch Myanmar hướng dẫn. Bắt đầu từ ngày 08 – 10 – 2010 đến ngày 19 – 02 – 2011, gồm 06 khóa thiền, mỗi khóa thiền là 10 ngày:

Khóa 1: từ ngày 08 – 10 – 2010 đến ngày 17 – 10 – 2010

Khóa 2: từ ngày 21 – 11 – 2010 đến ngày 30 – 11 – 2010

Khóa 3: từ ngày 08 – 12 – 2010 đến ngày 17 – 12 – 2010

Khóa 4: từ ngày 25 – 12 – 2010 đến ngày 03 – 01 – 2011

Khóa 5: từ ngày 12 – 01 – 2011 đến ngày 21 – 01 – 2011

Khóa 6: từ ngày 10 – 02 – 2011 đến ngày 19 – 02 – 2011

Mỗi khóa thiền gần 100 hành giả, gồm Tăng ni và Phật tử thiền sinh tham dự. Hành giả đến đây hành thiền đã chuyển hóa rất lớn trong đời sống tu hành. Đề mục hành thiền rất phong phú và đa dạng do thiền sư hướng dẫn. Trú xứ thích hợp cho các hành giả đến đây tu thiền. Theo chương trình chỉ còn 2 khóa thiền cuối cùng, rất mong chư tăng, tu nữ và chư Phật tử đến tham gia thực tập để gieo duyên lành trong chánh pháp.●



Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần IV



Tin: PV. PGNT

Ngày 15 - 12 - 2010 tại Tp. Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang đã long trọng tổ chức Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ IV. Đến chứng minh và tham dự có Hòa thượng Dương Nhơn - Phó Pháp chủ HĐCM - Phó Chủ tịch HĐTS.GHPGVN, Hòa thượng Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký HĐTS.GHPGVN, Hòa thượng Thiện Pháp - Phó Tổng thư ký kiêm hành Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, cùng chư tôn giáo phẩm ban Trị sự tỉnh hội Phật giáo Kiên Giang. Về phía Chánh quyền, có đại diện Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang, các ban ngành đoàn thể, đại diện ban Tôn giáo các tỉnh thành có Phật giáo Nam Tông đồng về tham dự, đặc biệt có ông Phạm Huy Thơ - Phó ban Tôn giáo Chính phủ.

Tại Hội nghị có đại biểu các đoàn Phật giáo Nam Tông của TP. Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau v.v.. Đoàn đại biểu Phật giáo Nam tông Kinh do Hòa thượng Thiện Tâm - Ủy viên Thường trực HĐTS.GHPGVN làm Trưởng đoàn cùng Thượng tọa Bửu Chánh - Ủy viên HĐTS, Đại đức Thiện Minh - Ủy viên HĐTS.

Hội nghị đã được nghe những tham luận, ý kiến đóng góp từ các đại biểu nhằm hướng tới xây dựng Phật giáo Nam tông Khmer ngày càng tốt đẹp.

Phát biểu tổng hợp từ các ý kiến, kiến nghị tham luận, ông Phạm Huy Thơ - Phó ban Tôn giáo Chính phủ thay mặt Ban Tôn giáo Chính phủ hứa sẽ tiếp tục xem xét và có những hành động cụ thể nhằm hỗ trợ Phật giáo Nam tông Khmer ngày càng phát triển.



Đúc kết hội nghị, HT. Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký HĐTS đã thay mặt Trung ương Giáo hội ghi nhận những ý kiến phát biểu và sẽ đề xuất Trung ương Giáo hội nghiên cứu và có kế hoạch triển khai thực hiện từng vấn đề mà hội nghị đã đề ra để Phật giáo Nam tông Khmer - thành viên sáng lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. ●



Thượng tọa Giác Chánh Trưởng đoàn
Phật giáo Nam tông Việt Nam



LỄ HỘI

TRÙNG TỤNG THÁNH ĐIỂN PĀLI

Tuệ Siêu (tưởng thuật từ Bồ Đề đạo tràng)

Tại thánh địa Bồ đề đạo tràng ở Bodhigaya, Ấn Độ, sáu năm qua hội Mahābodhi đã tổ chức sáu lần trùng tụng thánh điển Pāli (tam tạng Pāli) với sự tham dự của chư Tăng các nước Phật giáo Theravāda. Được gọi là lễ hội tụng Tam tạng Quốc tế (International Tipitaka Chanting Ceremony).

Phật giáo Theravāda - Nam tông Việt Nam được mời tham dự chỉ mới hai năm nay, 2009 và 2010.

Năm vừa qua (2009) Phật giáo Theravāda Việt Nam lần đầu tiên được mời tham dự lễ hội trùng tụng tam Tạng chỉ do các vị sư Nam tông đang du học tại Ấn Độ tham dự, như Thượng tọa Chánh Thân, Đại đức Đức Hiền và vài vị khác ở Tích Lan và Pháp.

Năm nay lễ hội trùng tụng Tam tạng Quốc tế tại Bodhigaya Ấn Độ được tổ chức từ ngày 02 đến ngày 12 tháng 12 năm 2010. Ban tổ chức đã gửi thư mời Phật giáo Nam tông Việt Nam tham dự; Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cử đoàn đại biểu Phật giáo Nam tông gồm 03 vị:

1. Thượng tọa Giác Chánh, Trưởng ban Văn hóa Phật giáo tỉnh Đồng Nai, trụ trì chùa Bửu Đức TP. Biên Hòa.
2. Thượng tọa Giác Giới, Phó ban Hoằng pháp tỉnh hội Phật giáo tỉnh Vĩnh Long, Phó trụ trì chùa Siêu Lý TP. Vĩnh Long.
3. Đại đức Pháp Đăng, Phó ban Đại diện Phật giáo huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, trụ trì chùa Từ Thiện - Định Quán.

Đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam đã đặt chân đến Bồ đề đạo tràng Bodhigaya vào trưa ngày 01 tháng 12 dưới sự đón tiếp nồng hậu của Ban tổ chức Hội trùng tụng và được đưa đến một ngôi chùa Thái Lan ở gần Bồ đề đạo tràng để hợp mặt với 9 đoàn Tăng già Theravāda thuộc các nước: Miến Điện (Myanmar), Thái Lan (Thailand), Bangladesh, Tích Lan (Sri Lanka), Campuchia (Cambodia), Lào, Nepal, Ấn Độ (India), và đại diện Tăng già Châu Âu.

Như vậy lần trùng tụng tam Tạng năm nay được 10 nước tham dự. Trong đó, hai nước Lào và Bangladesh là nước đăng cai tổ chức lễ hội trùng tụng năm 2010.

Đoàn Việt Nam ngoài 03 vị đến từ Việt Nam còn có thêm Thượng tọa Chánh Thân và Thượng tọa Nandarātana đến từ Tích Lan, Đại đức Đức Hiền và 35 vị tăng ni Bắc tông đang du học tại New Delhi Ấn Độ cũng về Bồ đề đạo tràng để tham dự lễ Hội trùng Tụng tam Tạng.

Ngày khai mạc lễ hội 02 tháng 12 thật hoành tráng và long trọng. Buổi sáng 9 giờ tất cả các đoàn đại biểu Tăng già của 10 nước tập trung tại chùa Bangladesh để cùng khởi hành đi đến quảng trường Kalachakra làm lễ khai mạc và dùng cơm trưa tại đó.

Đến 14 giờ các đoàn diễn hành đến địa điểm chính là Bồ đề đạo tràng, (nơi sẽ diễn ra cuộc trùng tụng tam tạng trong 10 ngày), sau đó, 10 vị trưởng đoàn Tăng già của 10 nước (Trưởng đoàn Việt Nam là Thượng tọa Giác Chánh) được thỉnh an tọa trên những pháp tọa có lọng che, để toàn thể hội chúng diện kiến.

Sau diễn văn khai mạc của vị chủ tịch Hội Mahābodhi là lời phát biểu của vị Trưởng Ban tổ chức, cùng lời phát biểu của đại diện chính phủ ở tiểu bang Bihar.

Tiếp đến, Ngài Sitagu Sayadow (đại Trưởng lão Tăng Miến Điện) ban lời đạo từ.

Toàn thể chư tăng đã tụng bài kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkasutta).

Cuối cùng là lời cảm tạ của Ban tổ chức, và các vị Trưởng đoàn thập nển quanh cội Bồ đề thiêng liêng.

Mười ngày kế tiếp, từ mùng 3 đến ngày 12, mỗi ngày có thời khóa sinh hoạt giống nhau, như sau:

- 06 giờ - Điểm tâm (tại quảng trường Kalachakra)
- 07 giờ - Tụng kinh tụng
- 09 giờ - Giải lao
- 09 giờ 15 - Tụng kinh tụng
- 11 giờ - Dùng cơm trưa (tại quảng trường Kalachakra)
- 13 giờ 30 - Tụng kinh tụng
- 15 giờ 30 - Giải lao
- 15 giờ 45 - Tụng kinh tụng
- 17 giờ - Nghỉ ngơi
- 18 giờ - Thuyết pháp (do vị Trưởng lão đoàn)

Trưởng lão đoàn Việt Nam thuyết pháp vào tối ngày mùng 10, Thượng tọa Giác Chánh là vị pháp sư hôm đó, với sư Đức Hiền là vị phiên dịch Anh ngữ.

Đoàn Việt Nam được chư Tăng các nước quý trọng không những là tụng đọc kinh tụng bằng tiếng Pāli và thuyết pháp, mà còn có sự đóng góp với Ban tổ chức lễ hội một ngày cúng dường trai soạn (6.000 USD). Sự tích cực góp phần của đoàn Việt Nam đã tạo được cái nhìn thiện cảm và trân trọng của Phật giáo Quốc tế đối với Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt là chư Tăng Tích Lan và chư Tăng Lào.

Đoàn chư Tăng Tích Lan ngõ ý mời chư tăng Việt Nam tham dự Hội nghị Kết tập Tam tạng vào dịp Phật lịch 2600 năm.

Đoàn chư Tăng Lào thì mong muốn có một lần cùng Việt Nam đăng cai tổ chức lễ hội trùng tụng tam tạng trong tương lai.

Bà Wangmo Dixey là nhà tài trợ chính cho cuộc lễ này, bà cũng đặc biệt có mỹ cảm với đoàn Phật giáo Việt Nam...

Ngày 12 tháng 12 là ngày bế mạc lễ Hội trùng Tụng tam Tạng: Buổi sáng tụng kinh, chụp hình lưu niệm các đoàn Phật giáo thế giới tham dự lễ; buổi chiều những lời phát biểu cảm tưởng của mỗi đoàn, tụng kinh chúc phúc phước lành đến thí chủ, tụng kinh cầu nguyện thế giới hòa bình, lời cảm tạ của Ban tổ chức, hồi hướng và bế mạc lúc 17 giờ.

Thật là một chuyến công du có ý nghĩa và lợi lạc. ●



TT. Giác Giới trong Lễ hội Trùng tụng tam Tạng Thánh điển



Lễ bổ nhiệm Ban quản trị Thích Ca Phật Đài

Hồng Trung

Sáng ngày 30/12/2010 tại Thánh tích - Thích Ca Phật Đài, TP. Vũng Tàu đã diễn ra lễ Bổ nhiệm Ban quản trị. Quang lâm chứng minh có chư tôn giáo phẩm; HT. Thích Thiện Nhơn - Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký HĐTS, HT. Thích Thiện Tâm - UV Thường trực HĐTS, HT. Thích Nguyên Trực - Phó BTS kiêm Trưởng ban Tăng sự Phật giáo Vũng Tàu, HT. Thích Giác Tùng - Chánh Ban đại diện Phật giáo Vũng Tàu, TT. Thích Bửu Chánh - UV HĐTS kiêm Phó ban Hoằng pháp Trung ương, TT. Hộ Chánh - UV HĐTS kiêm Phó ban Hướng dẫn Phật tử TW, ĐĐ. Thích Thiện Hạnh - UV HĐTS, ĐĐ. Thích Nhuận Trí - Chánh Thư ký BTS PG tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng đông đảo Tăng ni và Phật tử đã quang lâm chứng minh và tham dự.

Về phía quan khách có ông Nguyễn Văn Ngon, Phó giám đốc Sở nội vụ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ông Nguyễn Văn Trí, Phó phòng PA 38, ông Hồ Văn Hồng, ban Dân vận Tỉnh ủy, bà Nguyễn Thị Minh Hiền, Phòng Nội vụ Tp. Vũng Tàu cùng Chính quyền các cấp tỉnh và địa phương P. 5 Tp. Vũng Tàu.

Danh sách ban Quản trị chùa Thiền Lâm - Thích Ca Phật Đài nhiệm kỳ 2010 - 2015

- Trưởng ban: HT. Thích Thiện Tâm
- Phó ban Thường trực : TT. Thích Bửu Chánh
- Phó ban Kiểm soát : ĐĐ. Thích Nhuận Trí
- Phó ban: ĐĐ. Thích Chánh Nghiệp
- Thư ký: ĐĐ. Thích Giác Trí
- Phó Thư ký: ĐĐ. Thích Chánh Minh
- Thủ quỹ: ĐĐ. Quách Thành Sattha
- Ủy viên : ĐĐ. Thích Thiện Hạnh
- Ủy viên : ĐĐ. Thích Minh Hạnh
- Ủy viên: Cư sĩ Ngô Văn Ngợi.



HT. Thích Thiện Tâm Trưởng ban Quản trị phát biểu tại buổi lễ



HT Trưởng ban nhận hoa chúc mừng

Phật giáo Lào dâng tượng Phật đến chùa Quảng Nghiêm

Tin & ảnh: Đại đức Tuệ Quyền

Được sự cho phép của Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và bộ Ngoại giao CHDCND Lào, cũng như sự chấp thuận của UBND tỉnh Đồng Nai, ngày 18 tháng 12 năm 2010 chùa Quảng Nghiêm TP. Biên Hòa long trọng cử hành lễ tiếp nhận kim thân Đức Phật tổ Thích Ca do lãnh sự quán CHDCND Lào, Phật giáo Lào và bà Nông Lặc Soukthavone dâng cúng.

Đến tham dự lễ có đại diện lãnh sự quán Lào và gần 100 thành viên gồm chư tăng và phật tử. Ngoài ra trong buổi lễ còn có sự chứng minh của các chư tôn đức trong Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai, chư tôn đức hệ phái Phật giáo Nam tông có Hòa thượng Viên Minh Trưởng ban Phật giáo Nam tông, viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, trụ trì chùa tổ Bửu Long, Thượng tọa Giác Chánh - Trưởng ban Văn hóa Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Thượng tọa Bửu Chánh - Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai, cùng chư tăng ni trụ trì các chùa thuộc tỉnh Đồng Nai, đại diện chánh quyền có ông Ngô Minh Đức Phó Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai, ông Trần Thanh Hùng Trưởng ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai, cùng đại diện chính quyền TP. Biên Hòa và chính quyền xã Phước Tân, cùng đông đảo chư phật tử đến tham dự lễ.

Buổi lễ diễn ra trọng thể trang nghiêm và thể hiện mối quan hệ tốt đẹp giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Lào. ●



Lễ khai giảng khóa thiền Vipassanā tại thiền viện Phước Sơn

Thiền Phúc



Ngày 25 - 12 - 2010 (nhằm ngày 20 - 11 năm Canh Dần) Thiền viện Phước Sơn đã long trọng cử hành lễ khai mạc khóa thiền Vipassanā do Hòa thượng thiền sư Kim Triệu hướng dẫn. Về chứng minh và tham dự lễ khai mạc có HT. Thiền sư Kim Triệu Trụ trì Thích Ca Thiền Viện và chùa Kỳ Viên tại Hoa Kỳ; HT. Thiền Tâm – UV Thường trực HĐTS. GHPGVN, Phó ban Phật giáo Quốc tế TW, trụ trì chùa Phổ Minh; HT. Viên Minh -Trưởng ban Phật giáo Nam tông (viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam), trụ trì chùa tổ Bửu Long; TT. Hộ Chánh - UV.HĐTS. GHPGVN Phó ban Hướng dẫn Phật tử TW; TT. Giác Chánh - Trưởng ban Văn hóa Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai, trụ trì chùa Bửu Đức, TP. Biên Hòa; TT. Bửu Chánh - UV. HĐTS, Phó ban Hoằng pháp TW. GHPGVN, trụ trì Thiền viện Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai; TT. Thiện Nhân UV. ban Hoằng Pháp TW. GHPGVN, trụ trì chùa Xá Lợi Phật Đài; TT. Tăng Định UV. ban Nghi lễ TW. GHPGVN, trụ trì chùa Kỳ Viên v.v... cùng chư Tăng trụ trì và đại diện các chùa hệ phái về tham dự.

Về phía chính quyền có ông Nguyễn Xuân Chiến - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Đồng Nai; ông Nguyễn Phước Ninh - Phó ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai; ông Ngô Minh Đức – Phó giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai; bà Võ Thị Mộng Thu - Trưởng phòng Phật giáo ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai, cùng quý đại diện ban ngành đoàn thể lãnh đạo và chánh quyền địa phương xã Phước Tân. Về phía quan khách có ông Lê Thành Ân - Tổng Lãnh sự Quán Hoa Kỳ tại TP.HCM cùng phu nhân. Buổi lễ diễn ra trong không khí trang nghiêm với sự tham dự hơn 500 tăng ni, Phật tử thiền sinh. ●



Tổng lãnh sự Quán Hoa Kỳ (người có dấu x)
đang thực tập thiền

Khám bệnh và phát quà từ thiện tại tỉnh Vĩnh Long

Tin & ảnh: Quán Như

Ngày 26/12/2010 Đại đức Thiện Minh - Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Từ thiện TW đã cùng với Hội chữ Thập đỏ Q.1 do bà Đinh Thị Ngọc Châu Chủ tịch hội làm Trưởng đoàn đã đến xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long khám bệnh từ thiện và phát quà cho 300 người nghèo tại địa phương. Được biết trong đoàn khám bệnh có 6 Bác sĩ cùng các y sĩ, dược sĩ đã nhiệt tình khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho người dân, ngoài các y bác sĩ của Hội chữ Thập đỏ Q.1 còn có sự tham dự của Thượng tọa Thiện Pháp trụ trì chùa Thiên Quang I và chư tăng, phật tử Tổ đình Bửu Quang. Sau khi khám bệnh và nhận thuốc xong, mỗi bệnh nhân còn được nhận một phần quà là 2 chai nước ngọt và bao thư trị giá 50.000 đồng. Cuối buổi khám bệnh từ thiện ông Chủ tịch UBND xã đã có lời cảm ơn chân thành và tặng quà lưu niệm đến đoàn. Tổng kinh phí hơn 50.000.000 đồng.

Danh sách phật tử ủng hộ:

1. Hội chữ Thập đỏ Q. 1: ủng hộ toàn bộ thuốc; 2. Gđ cô Nguyễn Thị Cúc: 5.000.000 đồng, Gđ Hồ Phúc Nguyên và chị Tiến: 5.000.000 đồng; Gđ Mai Loan: 3.000.000 đồng; Gđ Trúc Như: 3.000.000 đồng, Gđ Ngọc Nghiêm: 3.000.000 đồng; Nguyễn Tiến Đức: 1.000.000 đồng.●



Chùm ảnh sinh hoạt Phật sự tháng 12

ảnh: Lê Hà



ảnh 1,2,3,4: Hội nghị Phật giáo Nam tông Khmer tổ chức tại Kiên Giang





6



9



7



10



8



11

ảnh 5,6,7,8: Lễ khai mạc khóa thiền mùa đông tại Thiền viện Phước Sơn

ảnh 9,10,11: Lễ tiếp nhận kim thân Phật của phái đoàn Phật giáo Lào hiến cúng cho chùa Quảng Nghiêm



12



15

ảnh 14,15: HT. Tổng biên tập dự lễ khánh thành chùa Thanh Lương - Hà Tĩnh



13

ảnh 12,13: HT Tổng biên tập dự lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập hội Tâm lý Giáo dục Việt Nam



16



14



17



18

ảnh 16,17,18: Đoàn khám bệnh và phát quà từ thiện cho bà con tại tỉnh Vĩnh Long



20



19



21

ảnh 19,20,21: Lễ bổ nhiệm BQT Thích Ca Phật Đài



MỜI ĐĂNG QUẢNG CÁO TRÊN TẠP CHÍ PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

- * Bìa bốn: 200 x 280mm = 8.000.000 đồng
- * Bìa hai: 200 x 280mm = 7.000.000 đồng
- * Bìa ba: 200 x 280mm = 6.500.000 đồng
- * Trang quảng cáo
 - 1/2 trang = 2.500.000 đồng
 - 1/4 trang = 1.500.000 đồng
 - 1/8 trang = 800.000 đồng

(Giá cho một lần đăng)

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 4

01	Hồ Kim Ngọc Văng Phi Nga Hà Thế Hưng	133 quyển
02	GD cô Hiền Khánh	133 quyển
03	Nguyễn Thị Cúc (Thái Bình Shoes)	66 quyển
04	Thân mẫu ĐĐ Thiện Mẫn (chùa Pháp Quang)	33 quyển
05	GD Thiện Trí - Như Hạnh	30 quyển
06	Nguyễn Thị Diễm	20 quyển
07	Minh Đức	20 quyển
08	Đặng Kim Liên	13 quyển
09	Như Đức	13 quyển
10	GD Phạm Minh Hùng	13 quyển
11	Tổ Ngọc	6 quyển
12	GD Lê Thị Đua	6 quyển
13	GD Nguyễn Minh Nhơn	6 quyển
14	GD Lê Thị Tuyết Nga	6 quyển
15	TN Diệu Liên	3 quyển
16	TN Quang Mỹ	20 quyển
17	GD Tôn Thất Lập - chị Hương	133 quyển
18	Cháu chị Hương	6 quyển
19	ĐĐ Phước Định	40 quyển
20	Võ Thị Kim, PD Hạnh Ngọc	40 quyển
21	Phật tử Nguyên Đạt	133 quyển
22	Phật tử Võ Quang Cảnh, PD Nguyên Hạnh	100 quyển
23	Phật tử Nguyễn Diệu Thủy Liên, PD Quảng Hồng	100 quyển
24	Phật tử Phan Hòa Thuận, PD Trí Minh Nguyễn Thị Kim Ngân, PD Ngọc Hiền	133 quyển

25	Sư Giác Khoan (Pháp viện Thánh Sơn)	100 quyển
26	Bùi Nữ Thục Vy	60 quyển
27	Bùi Nữ Diễm Mi	60 quyển
28	Lê Ngọc Thiên An	50 quyển
29	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
30	Bùi Nữ Anh Thy	50 quyển
31	Bùi Nữ Phương Nghi	50 quyển

Giá: 15.000 đồng

PHIẾU ĐẶT MUA

Họ và tên:

Địa chỉ:

Địa chỉ nhận báo:

Điện thoại:

Email:

ĐĂNG KÝ MUA TẠP CHÍ

- Số tháng

Từ tháng đến tháng năm 2011

- Số cuốn: cuốn/tháng

- Đơn giá: 15.000 đồng/cuốn

- Thành tiền: đồng

Số tài khoản:

(trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản)

Ngày tháng năm 2011

Người đặt mua

HƯỚNG DẪN THANH TOÁN

- ☐ Thanh toán trực tiếp tại Tòa soạn báo
- ☐ Thanh toán một lần trọn phiếu mua hàng theo dịch vụ chuyển tiền tại bưu cục gần nhất
- ☐ Chuyển vào tài khoản:

NGÂN HÀNG ACB CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tên: Lê Hiền Anh Tân

Tài khoản số: 36917679

(Trường hợp quý khách ngoại thành tính thêm tiền cước phí gửi bưu điện cho từng cuốn)